



THE GOVERNMENT
OF THE GRAND DUCHY OF LUXEMBOURG
Ministry of Foreign and European Affairs

Directorate for Development Cooperation
and Humanitarian Affairs

TÀI LIỆU TẬP HUẤN

VỀ QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG CÓ LỒNG GHÉP GIỚI

DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
QUẢN LÝ GIẢI PHÁP RỦI RO
RỦI RO THIÊN TAI GIỚI
BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU RỦI RO
THIÊN TAI RỦI RO
RỦI RO QUẢN LÝ
GIỚI THIÊN TAI RỦI RO THIÊN TAI
QUẢN LÝ DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG
RỦI RO THIÊN TAI QUẢN LÝ DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG
DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG RỦI RO THIÊN TAI

Cơ quan Liên Hợp Quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ (UN Women) là tổ chức thuộc Liên Hợp Quốc (LHQ) chuyên về các vấn đề bình đẳng giới và nâng cao địa vị phụ nữ. Là tổ chức toàn cầu đi đầu bảo vệ phụ nữ và trẻ em gái, UN Women được thành lập nhằm thúc đẩy sự tiến bộ trong việc đáp ứng các nhu cầu của phụ nữ và trẻ em toàn thế giới. UN Women hỗ trợ các quốc gia thành viên LHQ trong việc xây dựng những chuẩn mực mang tính toàn cầu nhằm thực hiện bình đẳng giới và cộng tác với các chính phủ cũng như với xã hội dân sự trong việc xây dựng các luật pháp, chính sách, chương trình và dịch vụ cần thiết để thực hiện các chuẩn mực trên. UN Women ủng hộ phụ nữ tham gia bình đẳng vào mọi mặt của đời sống, tập trung vào năm lĩnh vực ưu tiên dưới đây: Tăng cường vai trò lãnh đạo và sự tham gia của phụ nữ; Chấm dứt tình trạng bạo lực đối với phụ nữ; Huy động phụ nữ tham gia vào mọi mặt của tiến trình hòa bình và an ninh; Thúc đẩy việc nâng cao địa vị kinh tế của phụ nữ; và Làm cho bình đẳng giới trở thành nội dung trung tâm của quá trình xây dựng kế hoạch và ngân sách phát triển quốc gia. UN Women cũng điều phối và thúc đẩy hoạt động của hệ thống LHQ ở lĩnh vực xúc tiến bình đẳng giới.

Hội Liên hiệp phụ nữ (LHPN) Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị, đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp phụ nữ Việt Nam; phấn đấu vì sự phát triển của phụ nữ và bình đẳng giới. Hội là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thành viên của Liên đoàn phụ nữ Dân chủ quốc tế và Liên đoàn các tổ chức phụ nữ ASEAN. Hội có chức năng: (1) Đại diện chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp phụ nữ, tham gia xây dựng Đảng, tham gia quản lý Nhà nước, và (2) Đoàn kết, vận động phụ nữ thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; vận động xã hội thực hiện bình đẳng giới.

Tài liệu tập huấn về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng có lồng ghép giới

Xuất bản lần thứ nhất, 2016

Bản quyền © Cơ quan Liên Hợp Quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ (UN Women) và Hội Liên Hiệp Phụ nữ Việt Nam.

Tất cả các quyền bản quyền được bảo hộ. Việc tái bản và phổ biến các tài liệu trong ấn phẩm này nhằm mục đích giáo dục và phi thương mại đều được phép mà không cần xin phép UN Women và Hội Liên Hiệp Phụ nữ Việt Nam bằng văn bản, với điều kiện phải dẫn nguồn đầy đủ. Việc tái bản ấn phẩm này nhằm mục đích bán lại hay vì các mục đích thương mại khác đều bị cấm nếu không xin phép UN Women và Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Đơn xin phép có thể gửi đến địa chỉ registry.vietnam@unwomen.org hoặc vwu@hoilhpn.org.vn

Cơ quan Liên Hợp Quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ (UN Women)

304 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84 4 38500100

Fax: +84 4 3726 5520

<http://vietnam.unwomen.org>

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

39 Hàng Chuối, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: +84 4 39713437

Fax: +84 4 39713143

<http://www.hoilhpn.org.vn/>

Các quan điểm thể hiện trong ấn phẩm này là quan điểm của các tác giả và không nhất thiết đại diện cho quan điểm của UN Women, của Liên Hợp Quốc hay của bất cứ tổ chức nào khác trực thuộc Liên Hợp Quốc.

MỤC LỤC

PHẦN 1

QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

1. Một số loại hình thiên tai phổ biến ở Việt Nam
2. Các khái niệm về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

PHẦN 2

QUẢN LÝ VÀ GIẢM NHẸ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG TẠI VIỆT NAM

1. Các nhóm biện pháp quản lý rủi ro thiên tai
2. Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

PHẦN 3

BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA GIỚI VỚI QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

1. Các khái niệm về giới
2. Bình đẳng giới thực chất và các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới
3. Giới với giảm nhẹ rủi ro thiên tai
4. Một số quan điểm sai lệch về bình đẳng giới trong giảm nhẹ rủi ro thiên tai
5. Phân tích giới trong giảm nhẹ rủi ro thiên tai

PHẦN 4

LỒNG GHÉP GIỚI TRONG QUẢN LÝ VÀ GIẢM NHẸ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

1. Lý do cần phải lồng ghép giới
2. Lồng ghép giới trong quản lý chương trình, dự án về giảm nhẹ rủi ro thiên tai
3. Sử dụng chỉ số giới trong giảm nhẹ rủi ro thiên tai

LỜI NÓI ĐẦU

Biến đổi khí hậu đang diễn ra ở quy mô toàn cầu, khu vực và ở Việt Nam do các hoạt động của con người làm phát thải quá mức khí nhà kính vào bầu khí quyển. Biến đổi khí hậu tác động nghiêm trọng đến sản xuất, đời sống và môi trường trên phạm vi toàn thế giới. Ngoài ra, biến đổi khí hậu đang thay đổi và làm gia tăng các rủi ro thiên tai ở Việt Nam cũng như tăng nguy cơ đối với các vấn đề phát triển và an toàn. Do vị trí địa lý và địa hình của mình, Việt Nam phải đối mặt với nhiều loại hình thiên tai khốc liệt, trong đó nhiều nhất là các loại hình thiên tai liên quan đến thời tiết, đồng thời chịu tác động nặng nề của biến đổi khí hậu. Việt Nam coi ứng phó với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai là vấn đề có ý nghĩa sống còn nhằm hướng tới mục tiêu xóa đói giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam là thành viên chính thức của Ban Phòng chống thiên tai các cấp, cũng là tổ chức có mạng lưới huy động sự tham gia tích cực của phụ nữ trong phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. Để giúp đội ngũ tập huấn viên và tuyên truyền viên của Hội tham gia công tác nâng cao năng lực và truyền thông, giáo dục về giảm nhẹ rủi ro thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, trong khuôn khổ dự án “Nâng cao năng lực của phụ nữ ứng phó với biến đổi khí hậu” do Cơ quan của Liên hợp quốc về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ (UN Women) hỗ trợ về kỹ thuật và tài chính, TW Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam biên soạn cuốn **Tài liệu tập huấn về Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng có lồng ghép giới**.

Với nội dung cung cấp đầy đủ kiến thức cần thiết về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tại Việt Nam, giới và bình đẳng giới, lồng ghép giới trong quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, cuốn tài liệu dành cho cán bộ Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh tham gia vào Ban phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn và tập huấn viên, tuyên truyền viên cấp xã. Hy vọng rằng cuốn tài liệu tập huấn sẽ thực sự bổ ích đối với đội ngũ tập huấn viên, tuyên truyền viên của Hội với mục tiêu chung tay, góp sức xây dựng một cộng đồng bền vững trước những biến đổi của khí hậu toàn cầu.

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

ATNĐ	Áp thấp nhiệt đới
BĐG	Bình đẳng giới
BĐGTC	Bình đẳng giới thực chất
BĐKH	Biến đổi khí hậu
ĐGRRTT	Đánh giá rủi ro thiên tai
GNRRTT	Giảm nhẹ rủi ro thiên tai
RRTT	Rủi ro thiên tai
QLRRTT	Quản lý rủi ro thiên tai
QLRRTT-DVCD	Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng
TT DBTT	Tình trạng dễ bị tổn thương
TTV	Tuyên truyền viên

PHẦN I

QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI
DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

- Trong 20 năm qua, Việt Nam là 1 trong những nước có rủi ro thiên tai cao nhất thế giới, với mức thiệt hại ước tính chiếm 1,5% GDP hàng năm. Theo đánh giá của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn & Môi trường (Bộ Tài nguyên & Môi trường), thiệt hại do thiên tai ở Việt Nam thuộc loại lớn trên thế giới. Minh chứng là trong 5 năm gần đây, mỗi năm thiên tai làm chết khoảng 500 người, gây thiệt hại 14.500 tỷ đồng, tương đương 1,2% GDP cả nước.
- Trong vòng 10 năm, từ năm 2005 đến 2014, trung bình hàng năm ở Việt Nam có đến khoảng 649 đợt thiên tai xảy ra như lũ lụt, mưa đá, bão, lũ quét, lốc xoáy và sạt lở. Trung bình hàng năm Việt Nam phải gánh chịu 469.526 ngôi nhà bị phá hủy, 174.653 ngôi nhà bị hư hỏng, và khoảng 2.715 thiệt hại về tính mạng con người do tất cả các thảm họa tự nhiên gây ra. Tổng số người bị thiệt hại dù nặng hay nhẹ do các thảm họa tự nhiên gây ra tính trung bình khoảng 3 triệu người mỗi năm.
- Về tổng thiệt hại kinh tế được đo lường bằng tiền, trung bình hàng năm trong vòng 10 năm từ 2005 đến 2014, nền kinh tế Việt Nam phải gánh chịu khoảng 5,2 tỷ USD. Trong tổng số thiệt hại này, thiệt hại kinh tế do lũ lụt gây ra chiếm tỷ phần lớn nhất với 58%. Xếp sau đó, thiệt hại kinh tế do các trận bão hàng năm gây ra khoảng 29%, xếp ở vị trí thứ hai.

(Theo Báo cáo Đánh giá Toàn cầu về Giảm thiểu rủi ro thảm họa năm 2015 của Liên Hợp Quốc)



Sông nước vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Ảnh: UN WOMEN

1. MỘT SỐ LOẠI HÌNH THIÊN TAI PHỔ BIẾN Ở VIỆT NAM

1.1. THIÊN TAI VÀ HIỂM HỌA

Theo Luật phòng chống thiên tai năm 2013, thiên tai được định nghĩa là hiện tượng tự nhiên bất thường có thể gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế - xã hội. Các loại hình thiên tai thường xuất hiện ở Việt Nam bao gồm: bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, rét hại, mưa đá, sương muối, đông, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác.

Phân biệt sự khác nhau giữa thiên tai và hiểm họa có ý nghĩa quan trọng. Hiểm họa được hiểu là sự kiện hay hiện tượng không bình thường có thể xảy ra bất cứ lúc nào, có khả năng đe dọa đến tính mạng, tài sản và đời sống của con người. Hiểm họa không gây thiệt hại tới con người và cơ sở vật chất.

Hiểm họa cũng có thể phân thành hai nhóm chính dựa trên tốc độ diễn ra hiểm họa, bao gồm: hiểm họa diễn ra đột ngột và hiểm họa diễn ra chậm.

- Hiểm họa diễn ra đột ngột: bao gồm các hiểm họa tự nhiên diễn ra với tốc độ nhanh, ví dụ như động đất, bão, lũ lụt... và hiểm họa do con người gây ra do các xung đột tôn giáo và chính trị;
- Hiểm họa diễn ra chậm: bao gồm các hiểm họa diễn ra trong thời gian dài, dẫn tới tình trạng nguy hiểm (ví dụ như hạn hán diễn ra trong một thời gian dài, gây nên sự khan hiếm nước, lương thực, suy dinh dưỡng và thậm chí là gây ra nạn đói).

Hiểm họa có thể bao gồm hiểm họa tự nhiên và hiểm họa do con người gây ra. Trong tài liệu này sẽ chỉ tập trung vào các hiểm họa tự nhiên. Sự khác biệt giữa các hiểm họa tự nhiên và hiểm họa do con người gây ra ngày càng trở nên khó phân biệt. Ví dụ như hiện tượng phá rừng trên sườn núi có thể dẫn đến xuất hiện lũ quét và sạt lở đất trong giai đoạn mưa to. Các bãi chôn lấp, các vật làm tắc nghẽn hệ thống thoát nước hoặc xây dựng không đúng cách cũng có thể dẫn đến lũ lụt. Sạt lở đất, lũ lụt, hạn hán và hỏa hoạn là các ví dụ về sự kết hợp giữa các hoạt động tự nhiên và do con người gây ra khi nguyên nhân của chúng có thể là do các hiện tượng tự nhiên và các hoạt động của con người. Một hiểm họa khi xảy ra có thể dẫn tới các hiểm họa khác, ví dụ như động đất có thể dẫn tới sự hình thành sóng thần, sạt lở đất và hỏa hoạn; trong khi bão có thể dẫn đến lũ lụt và nước dâng.

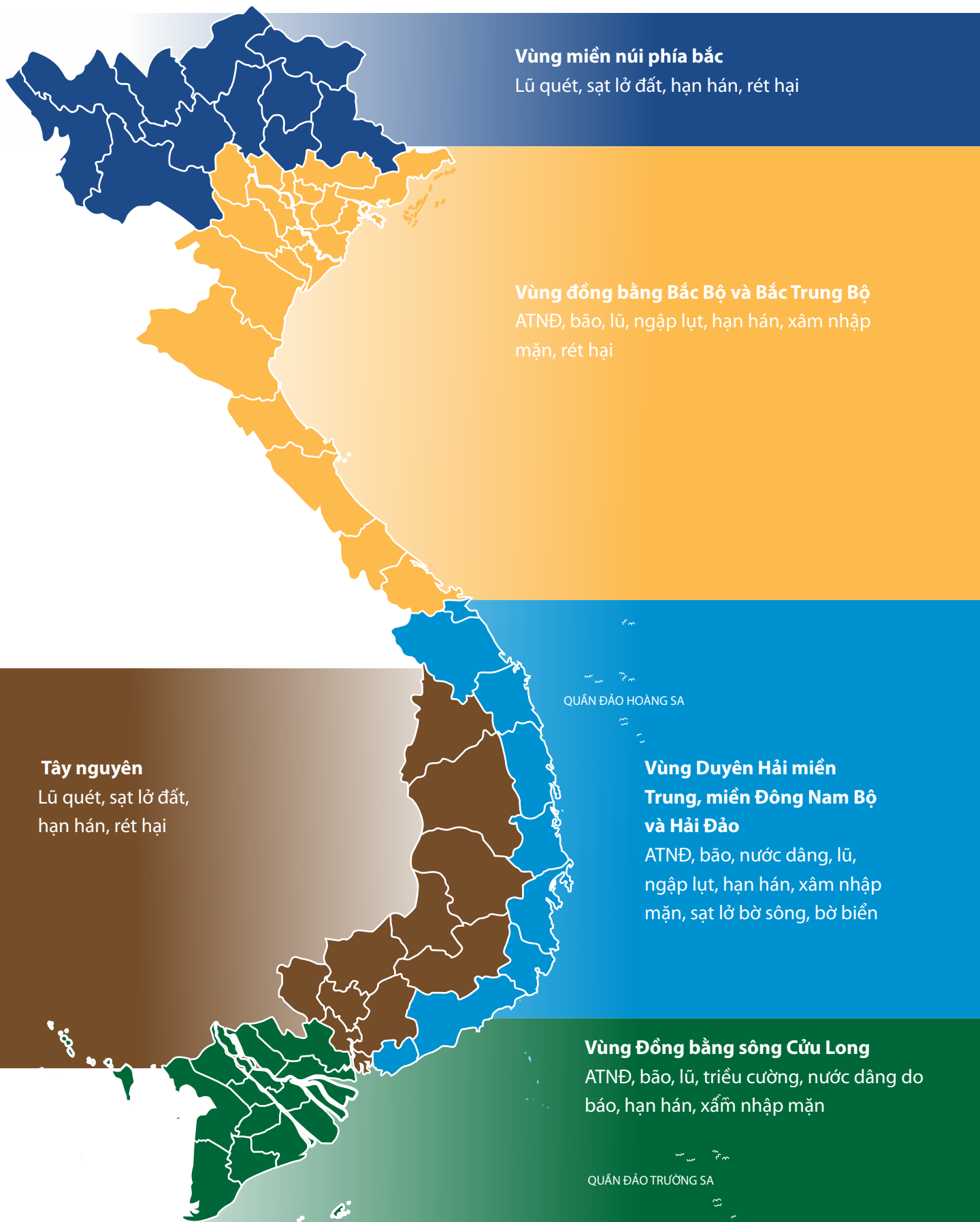
Một hiểm họa khi xảy ra không nhất thiết sẽ dẫn tới một thiên tai (gây thiệt hại tới đời sống và sản xuất của con người). Tuy nhiên, nếu hiểm họa gây nên những ảnh hưởng nghiêm trọng tới cộng đồng và có phạm vi ảnh hưởng rộng, dẫn tới các thiệt hại lớn và gây gián đoạn cuộc sống bình thường của cộng đồng thì lúc đó thiên tai sẽ xảy ra. Các tác động của thiên tai có thể bao gồm thiệt hại về người, gây thương tích, dịch bệnh và các tác động xấu tới sức khỏe con người, tinh thần và phúc lợi xã hội, cùng với thiệt hại về của cải vật chất, hủy hoại tài sản, đình trệ các dịch vụ, gián đoạn các hoạt động kinh tế xã hội và suy thoái môi trường.

Vị trí địa lý của Việt Nam và điều kiện địa hình đã tạo nên những đặc điểm khí hậu riêng biệt mà từ đó dẫn tới sự phân chia các dạng hiểm họa, trong đó có một số hiểm họa có khả năng gây nên những hiểm họa nghiêm trọng. Các hiểm họa tự nhiên hầu như xảy ra quanh năm và có thể dẫn tới các thiên tai điển hình theo mùa với những đặc điểm riêng của từng vùng. Về nguyên tắc, có 5 vùng hiểm họa ở Việt Nam. Mỗi vùng có đặc điểm địa lý và địa hình khác nhau và các dạng hiểm họa khác nhau. Các hiểm họa tự nhiên ở các vùng ven biển có đặc trưng riêng nhưng cũng đôi khi bao gồm cả hiểm họa thường xảy ra ở vùng cao, ví dụ như: lũ quét, sạt lở đất xảy ra sau bão khi có kết hợp với mưa lớn, như được chỉ ra trong bảng và sơ đồ dưới đây.

Vùng, miền	Loại hình thiên tai chính
Vùng Đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ	Áp thấp nhiệt đới (ATNĐ), bão, lũ, ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, rét hại
Vùng Duyên Hải miền Trung, miền Đông Nam Bộ và Hải Đảo	ATNĐ, bão, nước dâng, lũ, ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, bờ biển
Vùng Đồng bằng sông Cửu Long	ATNĐ, bão, lũ, triều cường, nước dâng do bão, hạn hán, xâm nhập mặn
Vùng Miền núi và Tây nguyên	Lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, rét hại
Vùng biển	ATNĐ, bão lũ, ngập lụt



Vợ chồng chị Võ Thanh Thủy đánh bắt thủy hải sản tại xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau
Ảnh: UN WOMEN



Tuy nhiên, tần suất xuất hiện của các hiểm họa trên không đồng đều nhau. Về cơ bản, có thể chia các hiểm họa thành ba nhóm dựa trên tần suất xuất hiện như sau:

Cao	Trung bình	Thấp
Lũ, ngập úng	Mưa đá và mưa lớn	Động đất
Bão, áp thấp nhiệt đới	Sạt lở đất	Sương muối
Hạn hán	Cháy rừng	Sóng thần
Lũ quét	Xâm nhập mặn	
Xói lở/bồi lấp		
Lốc xoáy		

1.2. CÁC LOẠI HÌNH THIÊN TAI

BÃO VÀ ÁP THẤP NHIỆT ĐỚI

Bão và áp thấp nhiệt đới đều là một vùng gió xoáy có phạm vi ảnh hưởng rộng từ 200 đến 500 km. Khi đổ bộ vào đất liền, bão và áp thấp thường gây gió lớn, mưa to và nước dâng gây thiệt hại trực tiếp và kéo theo các hiểm họa khác.

Bão và áp thấp nhiệt đới được nhận biết dựa vào cấp gió (gió dưới cấp 8 được gọi là áp thấp nhiệt đới; gió từ cấp 8 trở lên được gọi là bão; bão từ cấp 10 đến cấp 11 được gọi là bão mạnh, từ cấp 12 đến cấp 15 gọi là bão rất mạnh, từ cấp 16 trở lên gọi là siêu bão). Cơn bão Haiyan xuất hiện vào tháng 11 năm 2013 ở Việt Nam được gọi là siêu bão.

Tác động	Những yếu tố làm tăng thiệt hại
▶ <i>Thiệt hại về người (gây thương tích và ảnh hưởng tới sức khỏe cộng đồng)</i> – Các mảnh vỡ bị thổi bay trong bão, nhà bị sập đổ hoặc bị nước lũ cuốn trôi có thể gây thương tích về người. Rủi ro có thể tăng do lũ (<i>xem thêm phần về Lũ</i>) và do không có đủ lương thực dự trữ hoặc không được tiếp tế lương thực; ▶ <i>Thiệt hại về vật chất</i> – Các công trình (nhà cửa, bệnh viện, trường học ...) bị hư hỏng, hoặc bị phá hủy do gió bão, tàu thuyền có thể bị lật hoặc hư hại;	▶ Do sinh sống ở các vùng đất thấp hoặc ven biển (chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão); ▶ Do sinh sống ở những vùng lân cận đó (chịu ảnh hưởng gián tiếp do mưa lớn, sạt lở đất và lũ lụt); ▶ Do yếu kém trong hệ thống thông tin liên lạc hay hệ thống cảnh báo;

Tác động	Những yếu tố làm tăng thiệt hại
▶ <i>Cấp nước</i> – Nước ngầm hoặc các vật dụng chứa, trữ nước có thể bị nước lũ làm ô nhiễm; ▶ <i>Cây trồng, vật nuôi và nguồn cung cấp lương thực</i> – Gió mạnh trong bão và mưa có thể làm hỏng hoa màu, cây trồng và lương thực dự trữ, đất nông nghiệp bị ô nhiễm bởi nước mặn khi xảy ra hiện tượng nước dâng trong bão, gia súc bị chết, thiệt hại thủy sản và cây bị bật rễ; ▶ <i>Năng lượng, thông tin và hậu cần</i> – Gió bão có thể làm gãy, đổ cột, đường dây điện, đường dây thông tin liên lạc, gây gián đoạn thông tin và điện. Giao thông có thể bị gián đoạn, thị trấn hoặc thành phố có thể bị cô lập; ▶ <i>Các hiểm họa gián tiếp</i> – Lũ, nước dâng do bão và sạt lở đất.	▶ Các công trình nhẹ, công trình cũ, công trình xây dựng bằng các vật liệu có chất lượng kém; ▶ Tàu thuyền không được trang bị phao cứu sinh/vật nổi; ▶ Do cộng đồng thiếu nhận thức về mối hiểm họa do bão gây ra.

LŨ LỤT

Lũ là hiện tượng khi mực nước và tốc độ dòng chảy trên sông vượt quá mức bình thường trong một thời gian nhất định, sau đó rút xuống ở mức bình thường.

Lũ sông – Dòng chảy lên xuống chậm, thông thường nước lũ lên theo mùa trên hệ thống sông.

Lũ từ phía biển – Có sự kết hợp với bão và hiện tượng nước dâng trong bão.

Lũ quét – Dòng chảy có tốc độ lớn, xảy ra bất ngờ, dòng chảy xiết thường kèm theo đất đá và bùn cát..., lên nhanh, xuống nhanh, sức tàn phá lớn, thường xảy ra ở khu vực có địa hình dốc khi có mưa lớn, bão hoặc xảy ra khi vỡ đập.

Lụt là hiện tượng nước ngập vượt quá mức bình thường, làm ngập công trình, nhà cửa, cây cối, đồng ruộng, ... ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống.

Tác động	Những yếu tố làm tăng thiệt hại
▶ <i>Thiệt hại về người (gây thương tích và ảnh hưởng tới sức khỏe cộng đồng)</i> – Thiệt hại về người chủ yếu do chết đuối. Lũ có khả năng làm tăng mức độ lây nhiễm dịch bệnh (VD: sốt rét, tiêu chảy, bệnh truyền nhiễm do virus); ▶ <i>Thiệt hại về vật chất</i> – Nhà cửa, cơ sở hạ tầng có thể bị lũ cuốn trôi, làm sập, do bị ngâm nước hoặc bị hư hỏng do các vật trôi nổi trong nước lũ va đập vào. Ở những nơi đất bị bão hòa có thể xảy ra hiện tượng sạt lở đất. Thiệt hại ở các vùng thung lũng sông thường lớn hơn so với những vùng đất trũng. Tài sản của các hộ gia đình có thể bị hư hỏng, thất lạc; ▶ <i>Cấp nước</i> – Lũ có thể gây ô nhiễm nước mặt hoặc ô nhiễm các giếng khơi và tầng nước ngầm. Không có nước sạch; ▶ <i>Cung cấp lương thực, thực phẩm</i> – Thu hoạch mùa vụ, kho trữ lương thực, thực phẩm dự trữ có thể bị thiệt hại do bị ngập nước. Vật nuôi, các công cụ sản xuất và hạt giống có thể bị cuốn trôi; ▶ <i>Các hiểm họa thứ cấp</i> – Dịch bệnh, lan truyền dịch bệnh theo nguồn nước, gây sạt lở đất.	▶ Vị trí khu dân cư ở những vùng dễ chịu tác động của lũ; ▶ Khả năng thấm của mặt đất suy giảm (do xói mòn hoặc bê tông hóa) ▶ Nhà cửa, cơ sở hạ tầng ít khả năng chống chịu lũ; ▶ Cơ sở hạ tầng nằm trong vùng có rủi ro lũ cao; ▶ Kho chứa lương thực, thực phẩm, cây trồng, vật nuôi không được bảo vệ; ▶ Tàu thuyền không được trang bị áo phao, vật nổi thích hợp. ▶ Thiếu nguồn lực, kỹ năng cần thiết để ứng phó với lũ (ví dụ như các trang thiết bị cứu hộ trên sông, kỹ năng cứu nạn trong lũ, khả năng biết bơi).



Trận lũ Tháng 10/2016 tại xã Tân Hóa, huyện Minh Hóa, Quảng Bình là vùng rốn lũ của sông Rào Nậy. Nơi đây có 668 hộ thì tất cả nhà cửa đều chìm trong nước. Ảnh: nguồn Internet

HẠN HÁN

Hạn hán là hiện tượng thiếu nước cho sinh hoạt và sản xuất trong một khoảng thời gian nhất định (hạn hán có thể do lượng mưa thiếu hụt nghiêm trọng kéo dài; thiếu nguồn nước; sông, suối, ao hồ cạn kiệt; giảm mực nước ngầm; giảm độ ẩm trong đất; do tác động bất hợp lý của con người).

Tác động	Những yếu tố làm tăng thiệt hại
▶ Không có đủ nước uống, nước sinh hoạt và sử dụng hàng ngày; ▶ Giảm sản lượng của hoa màu và cây trồng, do cây trồng bị chết hoặc không thể canh tác lại được nữa, có thể dẫn tới tình trạng thiếu lương thực; ▶ Tôm cá trong các ao hồ sẽ chết khi ao hồ bị khô cạn; ▶ Gia súc như trâu, bò, lợn có thể sẽ bị bán hoặc nếu hạn hán diễn ra trong thời gian dài, chúng có thể bị chết khát hoặc bị bệnh; ▶ Các tác động về kinh tế: làm giảm thu nhập của nông dân, giảm chi phí dành cho các hoạt động nông nghiệp; làm tăng giá lương thực, nguyên liệu (ví dụ như thóc gạo), tăng lạm phát, tăng dịch bệnh do suy dinh dưỡng hoặc bệnh tật do vệ sinh, đặc biệt là đối với trẻ em và người già; ▶ Khi lưu lượng nước trong sông bị suy giảm, những vùng đất gần biển có thể bị ảnh hưởng của xâm nhập mặn và nhiễm mặn.	▶ Nằm trong vùng đất khô hạn, nơi các điều kiện khô hạn gia tăng do hạn hán; ▶ Canh tác trên các vùng đất có chất lượng thấp hoặc đất canh tác bạc màu; ▶ Thiếu đầu vào cho canh tác để cải thiện sản lượng; ▶ Thiếu hệ thống quản lý nguồn nước; ▶ Thiếu nguồn giống và dự trữ lương thực; ▶ Các vùng đất phụ thuộc vào các hệ thống thời tiết khác đối với nguồn nước; ▶ Các vùng đất có lượng giữ ẩm trong đất thấp; ▶ Thiếu sự phân phối tài nguyên để giảm nhẹ hiểm họa hạn hán.



Hạn hán và xâm nhập mặn tại vùng Đồng bằng Sông Cửu long Tháng 3 - Tháng 6/2016

Ảnh: nguồn Internet

SẠT LỞ ĐẤT

Sạt lở đất là hiện tượng đất bị sạt, trượt do mất ổn định, thường xảy ra ở khu vực đồi núi dốc và bờ sông, bờ biển. Các loại hình sạt lở thường gặp nhất bao gồm: trượt lở, sụt lở và lở đá.

Tác động	Những yếu tố làm tăng thiệt hại
▶ <i>Thiệt hại về người (gây thương tích và ảnh hưởng tới sức khỏe cộng đồng)</i> – Trượt lở sườn dốc thường gây ra chết người. Thiên tai do trượt lở, lũ bùn đá từng giết chết hàng nghìn người ở nhiều nơi trên thế giới; ▶ <i>Thiệt hại về vật chất</i> – Bất kỳ thứ gì nằm trên đường trượt lở sẽ bị phá hủy. Đất đá có thể vùi lấp đường giao thông, cắt đứt đường dây thông tin, đường thủy. Các tác động không trực tiếp có thể bao gồm thiệt hại về năng suất công nghiệp, đất rừng và lũ lụt.	▶ Xây dựng các khu dân cư trên sườn dốc, trên nền đất mềm yếu hoặc trên đỉnh vách đá; ▶ Xây dựng các khu dân cư ở chân sườn dốc, tại nơi các sông suối từ trong thung lũng đổ ra sông; ▶ Xây dựng đường giao thông, đường dây thông tin ở các vùng núi; ▶ Xây dựng công trình trên nền móng yếu; ▶ Xây dựng công trình trên nền đất có chôn lấp các đường ống cũ; ▶ Thiếu hiểu biết về hiểm họa sạt lở đất; ▶ Khai thác tài nguyên quá mức, tàn phá rừng trên lưu vực.



Sạt lở đất tại Lai Châu năm 2013

Ảnh: nguồn Internet

LỐC XOÁY

Lốc là một luồng gió xoáy hình phễu, xảy ra đột ngột, diễn ra trong thời gian ngắn, di chuyển nhanh trên mặt đất hoặc trên biển.

Lốc có sức gió mạnh tương đương với sức gió của bão, hoạt động trong không gian hẹp từ vài km² đến vài chục km².

Lốc có thể nhìn thấy từ luồng gió xoáy cuốn theo những vật thể (ví dụ: cát bụi, nhà cửa, cây cối...).

Tác động	Những yếu tố làm tăng thiệt hại
▶ <i>Thiệt hại về người (gây thương tích và ảnh hưởng tới sức khỏe cộng đồng)</i> – Các mảnh vỡ bị thổi bay trong lốc xoáy hoặc nhà bị sập đổ có thể gây thương tích về người; ▶ <i>Thiệt hại về vật chất</i> – Các công trình (nhà cửa, bệnh viện, trường học) bị hư hỏng hoặc bị phá hủy do gió trong lốc xoáy; ▶ <i>Cây trồng, vật nuôi và nguồn cung cấp lương thực</i> – Gió mạnh và mưa trong lốc xoáy có thể làm hư hỏng cây trồng, hoa màu, lương thực dự trữ, làm chết vật nuôi, gây thiệt hại cho thủy sản, làm bật rễ cây; ▶ <i>Năng lượng, thông tin và hậu cần</i> – Gió trong lốc xoáy có thể làm gãy, đổ cột, đường dây điện, đường dây thông tin, gây gián đoạn thông tin liên lạc và điện. Giao thông có thể bị gián đoạn.	▶ Các công trình nhẹ, công trình cũ, xây dựng bằng các vật liệu có chất lượng kém. ▶ Thuyền đánh cá thiếu áo phao/vật nổi; ▶ Do cộng đồng thiếu nhận thức về mối hiểm họa do lốc xoáy gây ra.



Lốc xoáy tại Ninh Thuận - Cà Ná năm 2015

Ảnh: nguồn Internet



Trong đêm 13, rạng sáng 14/10 khiến gần 300 nhà dân ở Quảng Trị bị tốc mái, sập đổ.

Ảnh: nguồn Internet

2. CÁC KHÁI NIỆM VỀ QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG



CỘNG ĐỒNG

- Bao gồm những nhóm người dân sống trong cùng một làng, xã, thôn/bản/ấp.

ĐỐI TƯỢNG DỄ BỊ TỔN THƯƠNG

- Là nhóm người có đặc điểm và hoàn cảnh khiến họ có khả năng phải chịu nhiều tác động bất lợi hơn từ thiên tai so với những nhóm người khác trong cộng đồng. Đối tượng dễ bị tổn thương bao gồm trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ đang mang thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi, người khuyết tật, người bị bệnh hiểm nghèo và người nghèo.

RỦI RO THIÊN TAI (RRTT)

- Là thiệt hại mà thiên tai có thể gây ra về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và hoạt động kinh tế - xã hội.

Ví dụ: RRTT do bão gây ra có thể là nhà cửa bị tốc mái hoặc sập đổ; người dân bị thiệt mạng hoặc thương tích; thuyền đánh cá bị phá hỏng; cây trồng bị quật ngã, mùa màng thất thu...

CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI

- Rủi ro thiên tai được phân thành các cấp độ. Cấp độ rủi ro thiên tai là cơ sở cho việc cảnh báo, chỉ đạo, chỉ huy, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai. Tiêu chí phân cấp độ rủi ro thiên tai bao gồm: Cường độ hoặc mức độ nguy hiểm của thiên tai; Phạm vi ảnh hưởng; Khả năng gây thiệt hại đến tính mạng, tài sản, công trình hạ tầng và môi trường.

BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (BĐKH)

- Là sự thay đổi của khí hậu diễn ra trong một khoảng thời gian dài, do nguyên nhân tự nhiên hoặc hoạt động của con người. Các ngành công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải phát thải vào khí quyển một lượng lớn các khí nhà kính.

Ví dụ: sử dụng nguồn nguyên liệu hóa thạch (than, dầu, khí đốt); khói bụi từ các nhà máy nhiệt điện, lò gạch, xe cơ giới, đốt rơm rạ, chặt phá rừng, bãi tập trung rác thải...

TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TỔN THƯƠNG (TTDBTT)

- Là những đặc điểm và hoàn cảnh của một cộng đồng, môi trường hoặc tài sản dễ bị ảnh hưởng của các tác động bất lợi từ thiên tai.

Ví dụ: Người dân xây dựng nhà ở những khu vực có nguy cơ xảy ra lũ quét; khu vực có nhiều nhà tạm, nhà cấp 4 trong vùng bão, lũ; ngư dân đánh bắt thủy hải sản thiếu trang thiết bị đảm bảo an toàn.

NĂNG LỰC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

- Là tổng hợp các nguồn lực, điểm mạnh, và các điều kiện và đặc tính sẵn có trong cộng đồng, tổ chức và xã hội có thể được sử dụng nhằm đạt được các mục tiêu đề ra.

Ví dụ: Năng lực ứng phó (tổ chức di dời kịp thời, diễn tập, tổ chức thành lập các nhóm ứng phó nhanh, cứu hộ); Hệ thống công trình (nhà kiên cố, hệ thống đê điều); kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng của cộng đồng và người dân.

ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI (ĐGRRTT)

- Là quá trình thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin có sự tham gia của người dân về: các loại hình thiên tai, tình trạng dễ bị tổn thương và năng lực phòng, chống thiên tai tại địa phương nhằm xác định mức độ rủi ro thiên tai của cộng đồng. Đánh giá RRTT-DVCD do nhóm hỗ trợ kỹ thuật, nhóm cộng đồng và người dân cùng thực hiện.

GIẢM NHẸ RỦI RO THIÊN TAI (GNRRTT)

- Là giảm nhẹ tác động của hiểm họa đến con người và xã hội và nâng cao năng lực để quản lý RRTT. GNRRTT bao gồm việc nâng cao khả năng ứng phó và thích nghi với thiên tai trong một quá trình khôi phục sau khi thiên tai xảy ra, bằng cách thực hiện các bước nhằm tránh (hay thậm chí là ngăn ngừa) các hiểm họa tiếp theo cũng như hạn chế những tác động bất lợi của chúng thông qua các biện pháp giảm nhẹ và phòng ngừa. Do đó, GNRRTT bao gồm nâng cao năng lực, giảm nhẹ hiểm họa và tình trạng dễ bị tổn thương.

Một số ví dụ về GNRRTT

- + Giúp người dân nhận biết được các hiểm họa và rủi ro thiên tai;
- + Lập nhóm giám sát các hiểm họa và cảnh báo người dân một cách kịp thời;
- + Đào tạo cán bộ quản lý và người dân địa phương về phòng ngừa thiên tai;
- + Thực hiện các dự án giảm nhẹ rủi ro thiên tai như xây dựng đê, kè, trồng các loại cây phù hợp dọc bờ biển và các biện pháp phòng chống lũ khác;
- + Hỗ trợ kinh phí, việc làm nhằm tăng cường nhân lực đối phó với hiểm họa và rủi ro thiên tai.

QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI (QLRRTT)

- Là quá trình mang tính hệ thống nhằm áp dụng các quy định hiện hành, huy động cơ quan, tổ chức, cá nhân và kỹ năng cần thiết để thực hiện các chiến lược, chính sách và nâng cao khả năng ứng phó, giảm thiểu tác động bất lợi của hiểm họa và thiên tai. QLRRTT bao gồm một loạt các biện pháp can thiệp, được thực hiện trước, trong và sau thiên tai nhằm ngăn ngừa hoặc giảm đến mức tối thiểu các tổn thất về người, tài sản và thiệt hại đến môi trường tự nhiên đồng thời đẩy nhanh quá trình khôi phục tổn thất.

MỐI QUAN HỆ GIỮA RỦI RO THIÊN TAI, TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TỔN THƯƠNG VÀ NĂNG LỰC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI:

Cấp độ thiên tai & Tình trạng dễ bị tổn thương

Rủi ro thiên tai <=> -----

Năng lực phòng, chống thiên tai



Người dân xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp tham gia tập huấn về Quản lý Rủi ro Thiên tai dựa vào Cộng đồng có lồng ghép giới tháng 8/2016 (dự án do Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và UN WOMEN thực hiện) Ảnh: UN WOMEN

PHẦN II

QUẢN LÝ VÀ GIẢM NHẸ
RỦI RO THIÊN TAI
DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG
TẠI VIỆT NAM

1. CÁC NHÓM BIỆN PHÁP QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI

1.1. Trước thiên tai–Ngăn ngừa, Giảm nhẹ, Phòng ngừa

Ngăn ngừa

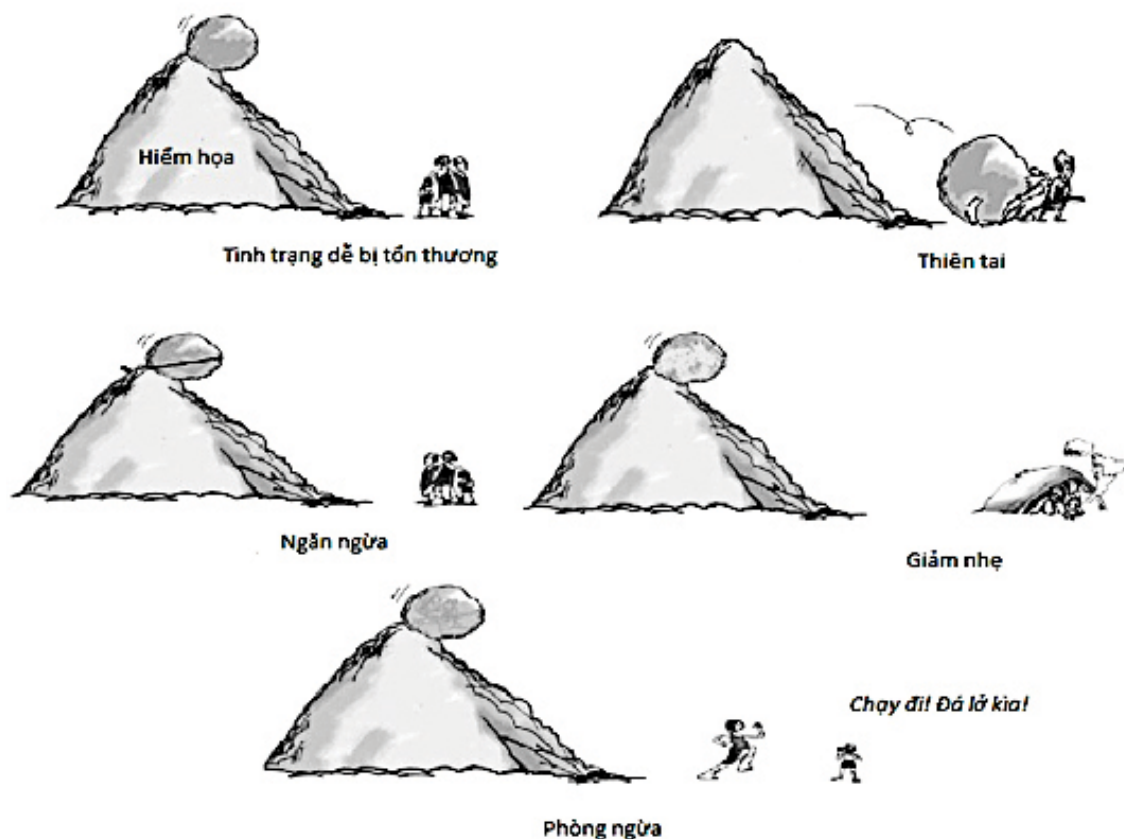
- Là các biện pháp tránh hoàn toàn các tác động bất lợi của hiểm họa và thiên tai liên quan. Ví dụ: xây dựng hệ thống đập và đê kè để ngăn lũ, xây dựng và ban hành các quy định về sử dụng đất nhằm nghiêm cấm hành vi xây dựng nhà ở tại các khu vực nguy cơ cao, thiết kế các công trình hoặc nhà ở có kiến trúc chịu được tác động dư chấn của động đất...

Giảm nhẹ

- Là các biện pháp bảo vệ các yếu tố dễ bị rủi ro thiên tai nhằm giảm nhẹ hoặc hạn chế tác động có hại của thiên tai tới các yếu tố đó. Ví dụ: siết chặt các quy định về bảo vệ môi trường, tập huấn nâng cao nhận thức cộng đồng, tăng cường gia cố các công trình phòng hộ...

Phòng ngừa

- Là việc trang bị năng lực và kiến thức cần thiết của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm sẵn sàng ứng phó, khắc phục hậu quả và tái thiết một cách kịp thời và hiệu quả. Ví dụ: lên kế hoạch sơ tán, thiết lập hệ thống dự trữ hàng hóa và cảnh báo sớm, tập huấn kỹ năng phòng chống thiên tai, diễn tập...



1.2. Trong thiên tai – Ứng phó

Ứng phó

- Là các hoạt động khẩn cấp hỗ trợ cộng đồng trong hoặc ngay sau thiên tai nhằm bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, an toàn xã hội và đáp ứng các nhu cầu cơ bản của những người bị ảnh hưởng bởi thiên tai. Ví dụ: sơ tán, tìm kiếm và cứu hộ, cung cấp lương thực, thực phẩm khẩn cấp, hỗ trợ y tế...



1.3. Sau thiên tai – Khôi phục

Khôi phục

- Là các hoạt động khôi phục và nâng cấp các trang thiết bị bị, điều kiện sống bị tác động bởi thiên tai, bao gồm cả những nỗ lực nhằm GNRRTT. Ví dụ: cung cấp nhà tạm, cung cấp hạt giống, công cụ, máy móc, sửa chữa, xây dựng lại nhà cửa...



2. QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

2.1. Giới thiệu

Sáng kiến về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (QLRRTT DVCD) đã được thực hiện ở nhiều nơi trên thế giới và đã đem lại kết quả rõ ràng. Tuy nhiên, thực hiện QLRRTT DVCD trong nhiều dự án vẫn phải dựa vào nguồn hỗ trợ tài chính bên ngoài và thường khi kết thúc tài trợ cũng đồng nghĩa với việc kết thúc các sáng kiến này. Vì vậy, chừng nào cộng đồng còn chưa phải là những người chủ dự án, thì dự án không thể thực hiện được một cách bền vững.

Vì vậy, những bài học quý giá từ các các tổ chức với các hoàn cảnh kinh tế - xã hội khác nhau là rất quan trọng. Để áp dụng những bài học này một cách hiệu quả, cần phải thiết lập khung chiến lược về Quản lý rủi ro thiên tai bền vững và cách thực hiện tốt nhất cần phổ biến rộng rãi giữa các bên liên quan thông qua chương trình đào tạo.

2.2. Cách tiếp cận mới trong QLRRTT ở Việt Nam

Ở Việt Nam, phương pháp tiếp cận truyền thống đối với quy hoạch phát triển chủ yếu theo cách “từ trên xuống” và còn gặp nhiều khó khăn trong giải quyết vấn đề về đói nghèo và bất bình đẳng. Một lý do nữa là người dân địa phương tiếp cận quá trình quản lý rủi ro thiên tai rất hạn chế nên họ ít có sự chủ động trong thực hiện các hoạt động/biện pháp quản lý rủi ro thiên tai. Các hoạt động thường thiếu tính hợp lý trong thực tế và không bền vững.

Phương pháp tiếp cận “từ dưới lên” hay phương pháp tiếp cận có sự tham gia đặt người dân địa phương vào vị trí trung tâm trong quá trình ra quyết định đang là một cách thức để giải quyết các vấn đề do thiên tai gây ra ngay tại cộng đồng. Vấn đề quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đã được đề cập trong Luật phòng chống thiên tai, đồng thời vấn đề này cũng được xem xét và lồng ghép vào quá trình xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội ngay tại từng địa phương. Thông tư số 05/2016/TT-BKHĐT về Hướng dẫn lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế xã hội của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ra ngày 06/06/2016 đã nêu rõ các hướng dẫn và yêu cầu lồng ghép cho các cấp.

2.3. Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (QL RRTT-DVCD) ở Việt Nam

Phương pháp tiếp cận dựa vào cộng đồng trong quản lý rủi ro thiên tai không phải là mới đối với Việt Nam; phương pháp này đã được áp dụng trong nhiều năm qua cùng với phương châm “bốn tại chỗ”.

Tuy nhiên với tình hình thiên tai và ảnh hưởng của nó ngày càng trở nên trầm trọng như hiện nay thì cần phải có sự cải tiến và thay đổi nhiều hơn trong cách quản lý RRTT-DVCD, do vậy tháng 07 năm 2009 Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng theo Quyết định số 1002/QĐ-TTg, được thực hiện trong giai đoạn 12 năm ở khoảng 6.000 xã thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai trong cả nước.

Chương trình QL RRTT-DVCD có hai hợp phần chính:

- **Hợp phần 1:** tăng cường năng lực của cán bộ địa phương các cấp để quản lý và thực hiện các hoạt động QL RRTT-DVCD;
- **Hợp phần 2:** nâng cao năng lực của các xã về QL RRTT-DVCD.

Có thể thấy Đề án tập trung nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ địa phương, nhất là cấp xã về quản lý và thực hiện các hoạt động quản lý RRTT-DVCD. Việc nâng cao năng lực được thực hiện thông qua việc đào tạo, xây dựng các tài liệu, văn bản hướng dẫn tới tận cấp xã.

Lần đầu tiên vấn đề cộng đồng đã được đặc biệt chú ý trong quá trình quản lý rủi ro thiên tai, điều này có nghĩa là cộng đồng sẽ chủ động tham gia cùng chính quyền địa phương lập kế hoạch phòng chống thiên tai và thực hiện kế hoạch. Quá trình này sẽ giúp người dân trong cộng đồng có được kế hoạch và các hoạt động phòng chống thiên tai phù hợp, đáp ứng được nhu cầu thiết thực của họ.

Đề án vẫn tiếp tục vận dụng phương châm “bốn tại chỗ” với cách tiếp cận khoa học hơn, thông qua việc khảo sát, lấy ý kiến cộng đồng để có thông tin xây dựng Kế hoạch phòng chống thiên tai hàng năm. Cách làm này giúp cho cán bộ chính quyền thu thập được các thông tin đa dạng hơn, từ nhiều nhóm đối tượng khác nhau trong cộng đồng, trên cơ sở đó có những biện pháp ứng phó với thiên tai phù hợp và hiệu quả hơn.

2.4. Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng là gì?

a. Khái niệm

Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng là một quá trình trong đó người dân trong cộng đồng chủ động và tham gia tích cực vào việc xác định và phân tích các rủi ro thiên tai, lập kế hoạch, thực hiện, theo dõi và đánh giá các hoạt động nhằm mục đích giảm nhẹ tình trạng dễ bị tổn thương và tăng cường khả năng ứng phó, thích nghi của cộng đồng với tác động của thiên tai, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

b. Mục đích

Mục đích của Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (QL RRTT-DVCD) là tạo ra sự chuyển biến tích cực từ một “cộng đồng dễ bị tổn thương” sang một “cộng đồng có năng lực, cùng nhau phòng ngừa, ứng phó và phục hồi” bằng cách phát huy tối đa các nguồn lực sẵn có trong cộng đồng và các nguồn lực khác.

c. Đặc điểm chính của QL RRTT-DVCD:

- Cộng đồng đóng vai trò trung tâm và chủ động trong quá trình QL RRTT-DVCD;
- Khuyến khích và huy động sự tham gia tích cực, chủ động của các thành phần dân cư trong cộng đồng vào công tác QL RRTT, tạo cơ hội bình đẳng cho nam, nữ, các nhóm dễ bị tổn thương tham gia và hưởng lợi từ các hoạt động quản lý rủi ro thiên tai;

- Nâng cao năng lực của cộng đồng và giải quyết một số nguyên nhân chính của tình trạng dễ bị tổn thương;
- Là một quá trình liên tục phát triển, được cập nhật, điều chỉnh và xây dựng trên những bài học kinh nghiệm thực tế của cộng đồng. Đồng thời kết hợp với tiến bộ khoa học kỹ thuật, kết hợp giải pháp công trình và phi công trình; bảo vệ môi trường, hệ sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu;
- Sự chỉ đạo của chính quyền địa phương, đặc biệt là cấp xã đóng vai trò quan trọng trong QL RRTDVCĐ cùng với sự hỗ trợ của cơ quan cấp trên và các tổ chức xã hội;
- Vận dụng phương châm “bốn tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ, và hậu cần tại chỗ) vào quá trình QL RRTT-DVCĐ;
- Lồng ghép nội dung phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

d. Phương pháp tiếp cận có sự tham gia

Một chương trình QL RRTT-DVCĐ chỉ có thể thành công với sự tham gia đầy đủ của các thành viên cộng đồng trong việc phân tích tình hình, đánh giá nhu cầu và đưa ra quyết định.

Những lợi thế khi có sự tham gia của cộng đồng:

Thông tin tốt hơn	Người dân địa phương là nguồn thông tin tốt nhất về môi trường sống của họ; kiến thức của họ có thể được sử dụng cho việc ra quyết định.
Trao quyền cho cộng đồng	Quá trình tham gia của người dân làm tăng niềm tin, phát triển kỹ năng, năng lực và hợp tác của người dân địa phương. Điều này giúp họ tăng khả năng đối phó với các thách thức của các cá nhân và nhóm cư dân trong cộng đồng.
Học hỏi chuyên môn	Các chuyên gia bên ngoài nhận được hiểu biết toàn diện hơn về cộng đồng khi họ trợ giúp cộng đồng và do đó, họ đạt được hiệu quả hơn trong công việc của họ.
Ứng phó thích hợp hơn	Các giải pháp thích hợp hơn đối với nhu cầu và mong muốn của người dân. Đề xuất, dự án được cộng đồng chuẩn bị cho chính bản thân họ, nên có thể sửa đổi bổ sung cho đúng trước khi phê duyệt. Kết quả là các nguồn lực được sử dụng thích hợp hơn.
Hướng tới phát triển	Người dân có sự hiểu biết rõ ràng về các giải pháp thực tế đối với cộng đồng và họ có thái độ tích cực đối với phát triển, điều này có thể giúp tránh được những mâu thuẫn, tranh chấp.
Chi phí thấp hơn	Người dân tận tâm với môi trường của họ, họ có thể quản lý và duy trì môi trường tốt hơn trong việc giảm khả năng sử dụng không đúng các nguồn lực.
Mong muốn có dân chủ	Sự tham gia của cộng đồng trong việc lập kế hoạch là một phần quan trọng trong xu hướng tiến tới một xã hội dân chủ hơn.
Những giải pháp mang tính nhân văn và bền vững hơn	Đây là kết quả của các hành động trên.

e. Một số vấn đề cần quan tâm trong Quản lý RRTT-DVCD

Đối tượng dễ bị tổn thương

Theo Luật phòng, chống thiên tai, đối tượng dễ bị tổn thương bao gồm: trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ đang mang thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi, người khuyết tật, người bị bệnh hiểm nghèo và người nghèo.

Với mỗi nhóm đối tượng, cần chú trọng đến nhu cầu, năng lực của từng nhóm để có các giải pháp hỗ trợ kịp thời trong thiên tai, hiệu quả và đảm bảo công bằng xã hội, mang tính nhân văn. Trong đó cần chú trọng đến một số nhóm đối tượng:

- Nhóm người khuyết tật được xem là một trong những nhóm đối tượng dễ bị tổn thương nhất trong thiên tai. Trong các chương trình và hoạt động QL RRTT, cần tạo cơ hội cho người khuyết tật cùng nhau tìm hiểu về thiên tai, về tình trạng dễ bị tổn thương và những gì được xem là năng lực của họ trước thiên tai, đồng thời tăng cường việc tiếp cận thông tin nhằm tạo điều kiện cho họ tham gia vào quá trình ra quyết định trong hoạt động lập kế hoạch.
- Ngoài ra cần quan tâm đến các nhóm người dân tộc thiểu số, vì đặc điểm địa lý, dân sinh, kinh tế, xã hội, những đặc thù riêng làm hạn chế khả năng tham gia và hưởng lợi của họ trong phát triển. Người dân tộc cũng chiếm đa số trong số người nghèo trên cả nước.

Vấn đề lồng ghép giới

Vấn đề về giới cần được xem xét và lồng ghép trong suốt quá trình thực hiện Quản lý RRTT-DVCD.

g. So sánh QL RRTT DVCD và QL RRTT theo phương thức truyền thống

QL RRTT truyền thống	QL RRTT DVCD
Thiên tai là hiện tượng không biết trước và không thể ngăn ngừa.	Thiên tai là hiện tượng ngăn ngừa được. Người dân có thể chuẩn bị để phòng tránh và giảm thiểu thiệt hại, mất mát.
Chỉ chú trọng vào các hoạt động ứng phó và phục hồi.	Chú trọng vào các hoạt động quản lý rủi ro thiên tai, thực hiện trước khi thiên tai xảy ra, bao gồm Ngăn ngừa, Giảm nhẹ và Phòng ngừa.
Người dân ở khu vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai được xem là nạn nhân, không có khả năng tự giúp đỡ mình và chỉ có thể trông chờ, tiếp nhận sự hỗ trợ từ bên ngoài.	Người dân ở khu vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai là nhân tố chủ động, tích cực trong công tác giảm thiểu tình trạng dễ bị tổn thương của chính mình cũng như trong các hoạt động ứng phó khẩn cấp và khôi phục cuộc sống, sinh kế sau thiên tai. Người dân sử dụng và tăng cường các năng lực hiện có của mình để giảm nhẹ rủi ro thiên tai và tình trạng dễ bị tổn thương.
Người lớn thay mặt trẻ em trong việc đáp ứng và giải quyết các nhu cầu của trẻ.	Trẻ em được hỏi ý kiến về các mối quan tâm của trẻ được đáp ứng.

QL RRTT truyền thống	QL RRTT DVCD
Phụ nữ được xem là nạn nhân của thiên tai và là một trong các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương nhất khi thiên tai xảy ra. Kiến thức, kỹ năng và đóng góp của phụ nữ cho công tác quản lý rủi ro thiên tai hoàn toàn không được ghi nhận.	Phụ nữ là nhân tố tích cực góp phần vào quá trình quản lý RRTT. Họ chủ động trong công tác chuẩn bị, ứng phó và giải quyết hậu quả thiên tai. Những kiến thức thực tiễn, truyền thống và kỹ năng, năng lực của họ được ghi nhận trong quản lý rủi ro thiên tai.
Quản lý RRTT hoàn toàn thuộc trách nhiệm của nhà nước, cụ thể là các đơn vị, tổ chức ứng phó thiên tai và các chuyên gia, cán bộ công tác xã hội và các tổ chức phi chính phủ.	Quản lý RRTT là trách nhiệm của tất cả mọi người, của cả hệ thống chính trị bao gồm cả Nhà nước, khu vực tư nhân và người dân. Ghi nhận sự tham gia của Cộng đồng là vô cùng quan trọng. Chú trọng nâng cao năng lực cho cán bộ ở cấp trung ương, địa phương và cộng đồng nhằm tăng cường sự phối hợp của các đơn vị, ban ngành liên quan cũng như tăng khả năng đáp ứng toàn diện của hệ thống quản lý thiên tai.
Tập trung vào các giải pháp hỗ trợ vật chất và kỹ thuật.	Chú trọng tới tất cả các khía cạnh tinh thần, vật chất, kinh tế, xã hội, môi trường, nhằm giảm nhẹ tình trạng dễ bị tổn thương.
Tập trung vào các hộ gia đình đơn lẻ.	Chú trọng tới giảm nhẹ rủi ro thiên tai ở cấp độ cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng và có liên hệ, kết nối tới sự phát triển chung của cộng đồng.
Các đơn vị tài trợ (các tổ chức bên ngoài) là người quyết định nhu cầu của các gia đình và cộng đồng cần hỗ trợ.	Cả cộng đồng tham gia vào quá trình ra quyết định nhằm xác định các nhu cầu và giải pháp giảm nhẹ rủi ro cần được ưu tiên. Có kết hợp các hoạt động can thiệp nhằm giảm nhẹ rủi ro thiên tai theo hướng đáp ứng nhu cầu, đặc điểm của giới và phù hợp văn hóa của địa phương.
Mục đích của quản lý thiên tai là giảm thiểu ngay các khó khăn và đáp ứng ngay các nhu cầu trong tình huống khẩn cấp.	Mục đích của QL RRTT-DVCD là giảm thiểu tình trạng dễ bị tổn thương của cả nhóm phụ nữ, nam giới và tăng cường năng lực cho cả phụ nữ và nam giới nhằm giúp mọi người và cộng đồng phòng ngừa và ứng phó với thiên tai hiệu quả hơn. Quá trình này giúp trao quyền cho phụ nữ trong quá trình tham gia ra quyết định ở cấp cơ sở.
Mục tiêu chung là khôi phục mọi hoạt động trở lại trạng thái bình thường.	Mục tiêu chung là xây dựng được các hộ gia đình, cộng đồng và xã hội có tính an toàn, phát triển và tự cường trong bối cảnh thiên tai.

h. Quy trình quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

Quy trình Quản lý RRTT-DVCD bao gồm 6 bước sau:

Bước 1	Giới thiệu chung Giới thiệu Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” (thường gọi là Đề án 1002); giới thiệu nội dung thực hiện Quản lý RRTT-DVCD cho các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức kinh tế và người dân để phối hợp nhằm tốt Luật phòng, chống thiên tai.
Bước 2	Chuẩn bị kế hoạch thực hiện Thành lập Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm cộng đồng cấp xã, thống nhất cách thức và cơ chế hoạt động của các nhóm và xây dựng kế hoạch huy động nguồn lực (con người, cơ sở vật chất và tài chính).
Bước 3	Đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng Đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng là quá trình thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin có sự tham gia của người dân về 4 nội dung: các loại hình thiên tai, tình trạng dễ bị tổn thương và năng lực phòng, chống thiên tai tại địa phương, mức độ nhận thức về rủi ro thiên tai của người dân. Đánh giá rủi ro thiên tai do nhóm hỗ trợ kỹ thuật, nhóm cộng đồng và người dân cùng thực hiện.
Bước 4	Xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai Mỗi xã tự xây dựng được kế hoạch phòng, chống thiên tai có sự tham gia của cộng đồng và lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của xã.
Bước 5	Thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai UBND xã tổ chức hội nghị triển khai và thông báo cho người dân về kế hoạch đã được phê duyệt, đồng thời giải trình các hạng mục mà người dân đề nghị nhưng chưa đưa vào kế hoạch. Trong khi thực hiện, chính quyền xã phải huy động người dân tham gia thực hiện các hoạt động theo kế hoạch.
Bước 6	Giám sát và đánh giá kế hoạch có sự tham gia của cộng đồng Hoạt động giám sát và đánh giá phải được thực hiện thường xuyên trong và sau quá trình thực hiện kế hoạch (Bước 5) nhằm bảo đảm thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai có hiệu quả, điều chỉnh kịp thời những phát sinh, vướng mắc (nếu có) trong quá trình thực hiện, đồng thời rút ra các bài học kinh nghiệm để bổ sung cho xây dựng kế hoạch năm sau.

i. Một số công cụ đánh giá rủi ro thiên tai

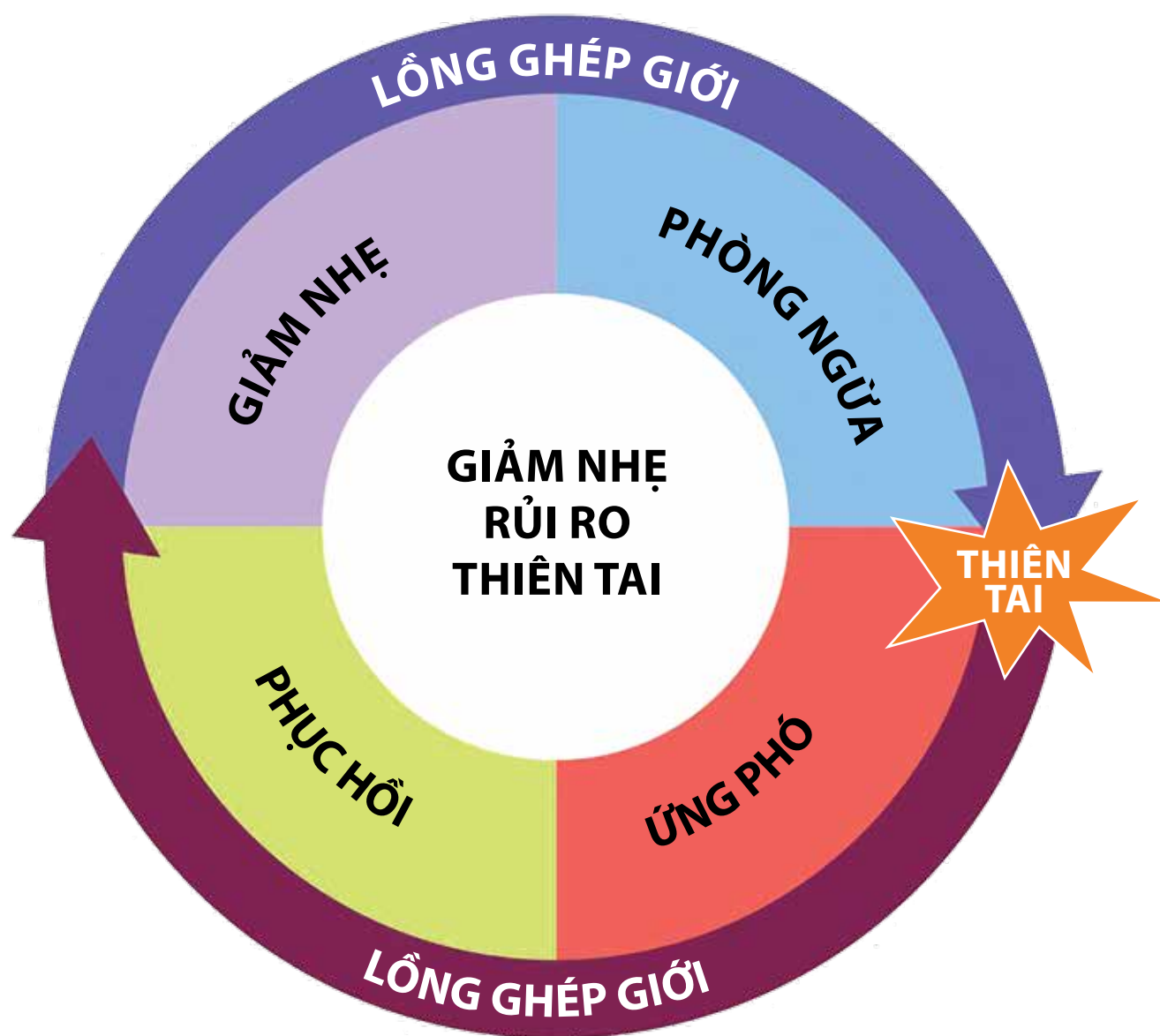
TT	Công cụ	Nội dung
1	Thông tin sẵn có	Thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin sẵn có từ các báo cáo, dữ liệu về những thiên tai đã xảy ra tại địa phương và các thông tin liên quan.
2	Lịch sử thiên tai	Thu thập thông tin về các loại thiên tai đã xảy ra (5-10 năm gần đây) và những thiên tai lịch sử; thiệt hại do thiên tai, xu hướng và những kinh nghiệm phòng, chống thiên tai của địa phương.
3	Lịch theo mùa	Thu thập thông tin về thời gian thực hiện các hoạt động kinh tế, xã hội; về mùa thiên tai trong năm và xu hướng thiên tai trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Từ đó, nhận biết tác động của thiên tai đến các hoạt động trên và kinh nghiệm phòng, chống thiên tai của người dân.
4	Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai	Xác định các khu vực nguy hiểm và khu vực an toàn tại địa phương đối với từng loại thiên tai.
5	Điểm mạnh và điểm yếu trong công tác phòng, chống thiên tai	Thu thập ý kiến đánh giá điểm mạnh, điểm yếu trong công tác phòng, chống thiên tai của người dân và các tổ chức đoàn thể liên quan.
6	Tổng hợp rủi ro thiên tai	Xây dựng Bảng tổng hợp rủi ro thiên tai: Sử dụng kết quả của các công cụ thu thập thông tin để tổng hợp và phân tích về: thiên tai, xu hướng thiên tai, TTDBTT, năng lực và rủi ro thiên tai.
7	Xếp hạng	Xác định các rủi ro/vấn đề/quan tâm ưu tiên của người dân tại địa phương.
8	Phân tích nguyên nhân	Xác định những nguyên nhân sâu xa của các rủi ro/vấn đề và những quan tâm cần giải quyết.
9	Tổng hợp giải pháp phòng, chống thiên tai	Xây dựng Bảng tổng hợp giải pháp phòng, chống thiên tai: Xác định những giải pháp phòng, chống thiên tai phù hợp với địa phương.

Trong quá trình đánh giá, cán bộ đánh giá phải luôn đảm bảo có sự tham gia đầy đủ của cả nam và nữ, có các biện pháp khuyến khích, hỗ trợ nhằm thúc đẩy sự tham gia ý kiến của phụ nữ (trong trường hợp cần thiết nhằm lấy thông tin cụ thể hơn, cần phải tách riêng các nhóm nam và nhóm nữ), ghi nhận sự khác biệt trong ý kiến, nhận thức, thái độ, hành vi của phụ nữ và nam giới, và phản ánh đầy đủ các sự khác biệt đó vào trong báo cáo đánh giá rủi ro cũng như trong kế hoạch phòng chống thiên tai.

PHẦN III

BÌNH ĐẲNG GIỚI
VÀ MỐI QUAN HỆ
GIỮA GIỚI VỚI QUẢN LÝ
RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO
CỘNG ĐỒNG

CHU TRÌNH QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI



1. CÁC KHÁI NIỆM VỀ GIỚI

Giới tính

- Giới tính chỉ các đặc điểm sinh học của nam và nữ, được thể hiện bằng sự khác biệt cơ bản về cấu tạo cơ thể, các chức năng sinh sản của phụ nữ và nam giới.

Ví dụ: Phụ nữ có khả năng mang thai, có bầu sữa mẹ và nam giới có tinh trùng, tinh hoàn...

Giới

- Giới chỉ những đặc điểm, vị trí, vai trò của nam và nữ trong tất cả các mối quan hệ xã hội. Những đặc điểm này được hình thành qua quá trình giáo dục, nuôi dưỡng. Đây là những đặc điểm mang tính văn hóa, xã hội và có thể thay đổi được.

Ví dụ: Phụ nữ cũng có thể mạnh mẽ và quyết đoán. Phụ nữ đã từng là những nhà lãnh đạo cấp cao trên thế giới và tại Việt Nam, phụ nữ có thể làm nhiều ngành nghề như phi công, thợ máy/kỹ sư.

Nam giới có thể nhẹ nhàng và kiên nhẫn, cũng có thể làm nội trợ, thợ may, chăm sóc con cái như nữ giới ...

Những đặc điểm này có thể hoán đổi cho nhau giữa nam và nữ và có thể thay đổi theo thời gian và không gian.

Vai trò giới

- Vai trò giới là tập hợp các hành vi ứng xử mà xã hội mong đợi ở nam và nữ liên quan đến những đặc điểm giới tính và năng lực mà xã hội coi là thuộc về nam giới hoặc thuộc về nữ giới (trẻ em trai hoặc trẻ em gái) trong một xã hội hoặc một nền văn hoá cụ thể nào đó.
- Vai trò giới được chia làm 3 nhóm cơ bản: sản xuất, tái sản xuất và vai trò cộng đồng. Các vai trò của nam giới và phụ nữ cũng được phân công khác nhau trong công tác quản lý và giảm nhẹ rủi ro thiên tai được thể hiện trong bảng dưới đây:

Các loại vai trò giới	Đặc điểm	Ví dụ
Vai trò sản xuất	Gồm các hoạt động làm ra sản phẩm, hàng hoá hoặc dịch vụ để tiêu dùng và trao đổi thương mại, góp phát triển kinh tế gia đình và xã hội.	Đi cà, đi cấy, sản xuất, kinh doanh tạo ra thu nhập. Trong phòng, chống thiên tai: thu hoạch mùa màng sớm, sơ tán gia súc, phòng chống dịch bệnh, gieo trồng, khôi phục sản xuất, cải tạo đất... Khi thiên tai xảy ra, khối lượng công việc của cả phụ nữ càng gia tăng vì nam giới có thể ra thành phố tìm việc, phụ nữ ở lại phải đảm nhiệm công việc của cả hai.
Vai trò tái sản xuất	Gồm các hoạt động duy trì nòi giống và tái tạo sức lao động.	Ví dụ: sinh con, chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy dỗ con, chăm sóc gia đình. Khi thiên tai xảy ra, phụ nữ là người chịu nhiều sức ép vì phải chăm lo gia đình trong điều kiện thiếu thốn. Tuy nhiên, nam giới cũng chịu áp lực trong việc đảm bảo thu nhập cho gia đình, khôi phục sản xuất và sửa chữa nhà cửa.
Vai trò cộng đồng	Gồm những công việc đòi hỏi sự tham gia tình nguyện, tiêu tốn thời gian và không nhìn thấy ngay kết quả được, có lúc được trả công và có lúc không.	Ví dụ: Cùng với nam giới, phụ nữ được coi là lực lượng chính đóng góp tích cực vào các hoạt động cộng đồng sau thiên tai như thăm hỏi động viên gia đình bị nạn trong thiên tai; huy động cộng đồng đóng góp lương thực, thực phẩm cứu trợ người bị nạn.

Cả nam và nữ đều có khả năng tham gia vào cả ba loại vai trò trên. Tuy nhiên, ở Việt Nam, phụ nữ hầu như đều phải đảm nhiệm cả vai trò tái sản xuất và các hoạt động sản xuất. Gánh nặng công việc gia đình của phụ nữ hạn chế họ tham gia một cách tích cực và thường xuyên vào các hoạt động cộng đồng. Trong khi đó, nam giới có nhiều thời gian và cơ hội hơn để đảm nhận vai trò cộng đồng và hoạt động sản xuất.

Sự hiểu biết sâu sắc về vai trò giới giúp xác định các hoạt động hỗ trợ phù hợp cho cả nam và nữ, từ đó thu hút được sự tham gia một cách hiệu quả, đồng thời góp phần giảm bất bình đẳng giới trong việc phân chia lao động xã hội.

Định kiến giới

- Định kiến giới là nhận thức, thái độ và đánh giá thiên lệch, tiêu cực về đặc điểm, vị trí, vai trò và năng lực của nam hoặc nữ.

Ví dụ: Quan niệm cho rằng “người phụ nữ không thể tham gia vào các hoạt động quản lý, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, phụ nữ bị coi là một trong những đối tượng cần quan tâm đặc biệt trong thiên tai”. Đó là một quan niệm mang định kiến giới.

Hậu quả của định kiến giới dẫn đến các hành động:

- o Không tôn trọng và ghi nhận sự khác biệt của nam giới và phụ nữ;
- o Có thái độ cản trở sự tham gia hoặc cao hơn nữa là loại bỏ các cơ hội của nam và nữ;
- o Vi phạm các quyền cơ bản của con người.

Nhạy cảm giới

- Nhạy cảm giới là nhận thức được các nhu cầu, vai trò, trách nhiệm mang tính xã hội của phụ nữ và nam giới nảy sinh từ những đặc điểm sinh học vốn có của họ. Đồng thời hiểu được điều này dẫn đến khác biệt giới về khả năng tiếp cận, kiểm soát nguồn lực và mức độ tham gia, hưởng lợi trong quá trình phát triển của nam và nữ.

Ví dụ: Khi một người làm công tác thông tin truyền thông hiểu được rằng: Phụ nữ ít có cơ hội thu nhận thông tin nói chung và thông tin dự báo thời tiết, cách phòng tránh thảm họa nói riêng do các bản tin này thường được phát vào thời gian nấu ăn khi phụ nữ đang ở trong bếp.

Trách nhiệm giới

- Trách nhiệm giới là có nhạy cảm giới và có những biện pháp hoặc hành động thường xuyên, tích cực và nhất quán trong công việc để loại trừ nguyên nhân bất bình đẳng giới nhằm đạt được bình đẳng giới.

Ví dụ: Khi người cán bộ làm công tác truyền thông có được nhạy cảm giới, họ đã điều chỉnh bằng cách phát lại thông tin dự báo thời tiết nhiều lần trong ngày thay vì chỉ phát một lần vào đúng giờ nấu cơm. Như vậy, có thể cho rằng họ đã có trách nhiệm giới trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện công tác thông tin truyền thông.

Số liệu có tách biệt giới

- Số liệu giới là số liệu tách biệt nam, nữ trong các chỉ tiêu, các lĩnh vực cụ thể. Các số liệu này cho thấy mức độ của các khoảng cách giới và được thể hiện dưới nhiều dạng bảng biểu khác nhau. Số liệu giới chỉ cho thấy sự khác biệt giữa nam và nữ mang tính định lượng bằng con số hoặc tỷ lệ cụ thể mà không cho biết tại sao lại tồn tại những khác biệt đó.

Hiện nay những thống kê thiệt hại do thiên tai gây ra thường là trung tính về giới. Ví dụ số người bị chết không có số liệu là bao nhiêu nam giới tử vong, bao nhiêu nữ giới tử vong do thiên tai, do vậy việc tìm hiểu nguyên nhân trực tiếp và sâu xa gây nên sự thiệt mạng đối với phụ nữ và nam giới cũng rất chung. Nếu số liệu được tách biệt theo nam và nữ thì việc tìm hiểu nguyên nhân và nhu cầu của phụ nữ và nam giới trong ứng phó và phòng chống thiên tai cũng sẽ xác thực hơn, theo đó sẽ giảm nhẹ hơn những thiệt hại do thiên tai cho phụ nữ, nam giới và cộng đồng. Nếu số liệu cho thấy trong lũ lụt, phụ nữ bị chết nhiều hơn nam giới, thì phải chăng do phụ nữ không biết bơi, hay họ là những gia đình neo người có phụ nữ làm chủ hộ nên không có người hỗ trợ khi lũ lụt ập tới, hay họ bị tàn tật không kịp di chuyển đến nơi an toàn... Nếu nam giới bị thiệt hại nhiều hơn thì phải chăng họ đều là những người đi đánh cá

ở ngoài khơi mà không kịp tìm nơi trú ẩn, phải chăng họ không có đủ các phương tiện thông tin, liên lạc, phải chăng vì lợi ích kinh tế nên họ nhất định không quay về khi biết có bão... sẽ có rất nhiều nguyên nhân liên quan đến vai trò, nhu cầu của phụ nữ và nam giới và đôi khi liên quan đến những định kiến xã hội mà họ quen thuộc từ khi sinh ra. Những thông tin và số liệu như vậy sẽ giúp ích cho việc lên kế hoạch phòng chống và ứng phó giảm thiểu rủi ro thiên tai đáp ứng vai trò và nhu cầu của cả nam và nữ.

Bình đẳng giới và Công bằng giới

- Bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó.
- Công bằng giới là sự đối xử hợp lý với nam và nữ dựa trên việc thừa nhận các khác biệt giới tính nhằm đảm bảo cho nam, nữ có cơ hội và điều kiện tham gia và hưởng lợi một cách bình đẳng.

Trong khi Bình đẳng giới là mục đích cuối cùng mà xã hội, cộng đồng cùng hướng tới thì Công bằng giới là phương tiện, quá trình để thực hiện Bình đẳng giới.

Các yếu tố cấu thành Bình đẳng giới:

- Quan tâm đến sự khác biệt về giới tính giữa nam và nữ cũng như những bất hợp lý về giới có thể tồn tại trên thực tế. Không có sự phân biệt đối xử giữa nam và nữ.
- Chú trọng đến tác động của phong tục, tập quán như là những nguyên nhân sâu xa và cơ bản của tình trạng phân biệt đối xử.
- Các chính sách, pháp luật không chỉ quan tâm đến những quy định chung mà còn quan tâm đặc biệt đến các quy định thể hiện được hai khía cạnh: phân biệt hợp lý yếu tố ưu tiên, bình đẳng hoặc vừa ưu tiên, vừa bình đẳng cho một nhóm cụ thể hoặc là nam hoặc là nữ để đạt được bình đẳng giới trên thực tế.
- Phát huy tối đa khả năng của cả nam giới và phụ nữ dựa trên cơ sở sự khác biệt

Bất bình đẳng giới

- Bất bình đẳng giới là sự phân biệt đối xử với nam, nữ về vị thế, điều kiện và cơ hội bất lợi cho nam, nữ trong việc thực hiện quyền con người, đóng góp và hưởng lợi từ sự phát triển của gia đình, của đất nước.

Các dạng tồn tại bất bình đẳng giới: Gánh nặng công việc, sự phân biệt đối xử, bất bình đẳng về kinh tế, chính trị, những định kiến dập khuôn và bạo lực trên cơ sở giới tính.

2. BÌNH ĐẲNG GIỚI THỰC CHẤT VÀ CÁC BIỆN PHÁP THÚC ĐẨY BÌNH ĐẲNG GIỚI

2.1. Thế nào là Bình đẳng giới thực chất?

Trước hết, cần khẳng định rằng Bình đẳng giới (BDG) và Bình đẳng giới thực chất (BDGTC) cần được hiểu là một và BDGTC là mục đích mà cộng đồng và xã hội hướng tới. Khi nói đến BDG là chúng ta cùng nói đến BDGTC ở trên thực tế chứ không chỉ ở trên lý thuyết.

Cơ sở pháp lý và hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam về BDG rất đầy đủ. Tuy nhiên, giữa việc xây dựng luật và thi hành luật, chính sách vẫn còn là khoảng cách lớn, hay nói cách khác, chúng ta vẫn chưa có bình đẳng giới thực chất. Bất bình đẳng vẫn còn tồn tại trong nhiều mặt của xã hội và nhiều năm liền Việt Nam cũng chỉ được Liên Hiệp Quốc đánh giá là nước có chỉ số BDG ở mức trung bình.

Cụ thể trong bối cảnh gia đình, thông thường phụ nữ là người chịu trách nhiệm nội trợ và chăm sóc các thành viên trong gia đình. Phụ nữ thường dành nhiều thời gian, từ khoảng 3 – 4 giờ mỗi ngày vào các công việc nội trợ, thường là không được trả lương, nhưng cũng tốn thời gian và sức lực. Tuy nhiên, phụ nữ vẫn còn bị phân biệt đối xử trong gia đình và có khi còn chịu bạo lực ở gia đình của mình. Trong một số gia đình khác, điều này lại xảy ra với nam giới.

Dù đã có rất nhiều nỗ lực trong xây dựng chính sách, pháp luật để bảo đảm BDG, song gia đình vẫn là một thành lũy kiên cố của bất bình đẳng và lại nằm ngoài khuôn khổ tác động của luật pháp. Bên cạnh đó, do định kiến giới đã ăn sâu vào trong suy nghĩ và hành động của nhiều người, nên không chỉ trong gia đình mà trong công việc và cuộc sống hàng ngày, bất bình đẳng giới vẫn còn tồn tại.

Ngoài ra, khi nói đến BDG giữa nam và nữ thường có xu hướng chung coi họ đều là “người dân”, “mọi người” có những quyền cơ bản ngang nhau và cần được đối xử như nhau. Tuy nhiên, bình đẳng giới cần được hiểu sâu và rộng hơn, có tính đến các điều kiện và hoàn cảnh khác biệt của nam và nữ, đặc biệt là những xuất phát điểm khác nhau của họ.

Chính việc tính đến những khác biệt ấy nên để đạt được mục tiêu BDGTC, hàng loạt các biện pháp lâu dài và tạm thời đều được quy định trong Luật và thực hiện. Trong đó có các biện pháp liên quan đến sự tham gia, ra quyết định, tiếp cận và kiểm soát nguồn lực, cơ hội và lợi ích cũng như những giải pháp lâu dài liên quan đến sinh kế và an toàn cho cả nam và nữ.

Đối với các chính sách, can thiệp đặc thù nhằm hỗ trợ và bảo vệ người mẹ (phụ nữ mang thai và nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi) thì dễ dàng nhận được sự đồng thuận. Nhưng các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới khác, hướng đến phụ nữ và nam giới nói chung, thì chưa được suôn sẻ như vậy. Về bản chất, các biện pháp này là bất bình đẳng (vì có sự khác biệt giữa nam và nữ, có thể ưu tiên nam hơn, hoặc ưu tiên nữ hơn dựa trên sự khác biệt của họ). Nhưng đây là các biện pháp tạm thời nhằm thúc đẩy BDG, điều này sẽ kết thúc khi mục đích BDG trong xã hội đạt được.

Như vậy, hiểu BDGTC giúp cho công tác thúc đẩy BDG được thực tế hơn và góp phần tích cực để đạt được BDG mà xã hội mong đợi.

2.2. Các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới

Biện pháp thúc đẩy BÐG là biện pháp nhằm bảo đảm BÐGTC, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành trong trường hợp có sự chênh lệch lớn giữa nam và nữ về vị trí, vai trò, điều kiện, cơ hội phát huy năng lực và thụ hưởng thành quả của sự phát triển mà việc áp dụng các quy định như nhau giữa nam và nữ không làm giảm được sự chênh lệch này.

Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới được thực hiện trong một thời gian nhất định và chấm dứt khi mục đích bình đẳng giới đã đạt được.

Đặc biệt, biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới không bị coi là phân biệt đối xử.

Các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới bao gồm:

- Quy định tỷ lệ nam, nữ hoặc bảo đảm tỷ lệ nữ thích đáng tham gia, thụ hưởng;
- Đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ năng lực cho nữ giới hoặc nam giới;
- Hỗ trợ để tạo điều kiện, cơ hội cho nữ giới hoặc nam giới;
- Quy định tiêu chuẩn, điều kiện đặc thù cho nữ giới hoặc nam giới;
- Quy định nữ được quyền lựa chọn trong trường hợp nữ có đủ điều kiện, tiêu chuẩn như nam;
- Quy định việc ưu tiên nữ trong trường hợp nữ chưa có đủ điều kiện, tiêu chuẩn như nam nhưng tạo điều kiện phát triển năng lực và cung cấp đầy đủ thông tin về các cơ hội đó;



Chị Trần Thị Kim Liên và chồng anh Tống Thu Hoàng Dũng đang cùng nhau thu hoạch lục bình tại Ấp Phú Nhuận, xã Tân Nhuận Đông, Huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Ảnh: UN WOMEN

3. GIỚI VỚI GIẢM NHẸ RỦI RO THIÊN TAI

Mối quan hệ giữa phụ nữ và nam giới có sức ảnh hưởng rất lớn trong mỗi nền văn hóa. Bản chất của nó tạo ra những khác biệt trong vai trò và trách nhiệm của phụ nữ và nam giới. Đồng thời, quan hệ giới cũng dẫn tới những bất bình đẳng trong khả năng tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực của hai giới (VD: ai là người có quyền sở hữu đất hoặc được phép vay tín dụng) cũng như trong khả năng ảnh hưởng tới việc ra quyết định (VD: ai được tham gia vào và có tiếng nói trong các tổ chức cộng đồng). Tất cả những khác biệt và bất bình đẳng này dẫn tới thực tế là phụ nữ, nam giới, trẻ em trai và trẻ em gái chịu tác động bởi thiên tai và rủi ro thiên tai ở các mức độ khác nhau và theo các cách khác nhau.

Ở góc độ kinh tế, phụ nữ ít được kiểm soát và tiếp cận các nguồn lực kinh tế hơn so với nam giới do yếu tố về mặt chính trị hoặc do các điều luật có tính phân biệt. Đồng thời, phụ nữ cũng bị hạn chế hơn trong cơ hội việc làm, giáo dục, bồi dưỡng chuyên môn và phát triển sự nghiệp. Điều này khiến cho phụ nữ khó có khả năng cải thiện, nâng cao vị thế kinh tế của mình và vì thế dẫn tới việc họ có địa vị xã hội thấp hơn và tỷ lệ mù chữ cao hơn.

Ở góc độ xã hội, các chuẩn mực văn hóa đôi khi tác động theo hướng làm trầm trọng hơn mức độ dễ bị tổn thương của phụ nữ trong thiên tai. Trong một số tình huống, các quy chuẩn về trang phục hạn chế phụ nữ di chuyển, khiến họ có nguy cơ gặp nguy hiểm trong các tình huống thiên tai khẩn cấp như lũ, lụt. Ngoài ra, rất nhiều kỹ năng sinh tồn cơ bản nhằm ứng phó với thiên tai (VD: trèo cây, bơi lội) lại chỉ được dạy cho trẻ em trai. Những ràng buộc hạn chế việc tham gia các cuộc họp cộng đồng hay tỷ lệ mù chữ cao hơn nam giới của phụ nữ còn có thể khiến họ ít được nhận các thông tin liên quan và khiến họ phải chịu thiệt thòi trong thiên tai. Ví dụ như, phụ nữ có thể không nhận được các thông tin cảnh báo sớm trong khi nam giới lại nhận được vì các thông tin này được truyền tải tới mọi người ở trong các cuộc họp hoặc trên các bảng thông báo, tờ rơi.

Ở lĩnh vực giáo dục, phụ nữ và trẻ em gái có tỷ lệ mù chữ cao hơn. Phụ nữ chiếm 2/3 trong số gần 800 triệu người mù chữ trên toàn thế giới, tương đương khoảng 500 triệu người. Trên quy mô toàn cầu, số trẻ em trai đi học tiểu học và phổ thông đông hơn số trẻ em gái, 3/5 trong số hơn 100 triệu trẻ em không đi học là trẻ em gái. Sau thiên tai hoặc trong các tình huống khó khăn, trẻ em gái thường buộc phải bỏ học để giúp đỡ làm việc nhà hoặc để tiết kiệm tiền cho gia đình (ở nhiều nước, trẻ em trai cũng rơi vào hoàn cảnh tương tự). Khả năng tiếp cận thông tin, giáo dục và truyền thông có vai trò quyết định việc người dân có thể hay không thể nhận được các cảnh báo sớm nhằm giảm thiểu tác động của lũ, hạn hán, bão và các thiên tai khác. Vì thế, tình trạng mù chữ khiến phụ nữ không thể tiếp cận các văn bản thông báo và tài liệu hướng dẫn. Ngoài ra, do ít học, thậm chí thất học, phụ nữ cũng ít được tham gia vào quá trình ra quyết định cũng như có mặt trong các tổ chức ứng phó với thiên tai và tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng. Việc ít được tiếp cận với công nghệ thông tin cũng khiến cho phụ nữ ít được nhận các thông báo và trở nên phụ thuộc vào người đàn ông trong gia đình để có được thông tin. Tất cả các yếu tố này đều làm cho khả năng ứng phó với thiên tai của phụ nữ yếu hơn so với nam giới.

Ở góc độ chính trị, phụ nữ thường ít tham gia trong bộ máy ra quyết định chính thức ở tất cả các cấp. Chính sự yếu thế về mặt chính trị này là một trong những nguyên nhân cốt lõi khiến phụ nữ chịu nhiều thiệt thòi, khó khăn về kinh tế - xã hội, làm gia tăng mức độ dễ bị tổn thương của phụ nữ trước thiên tai.

Ngoài những vấn đề trên, sự khác biệt về vị trí sinh sống và làm việc cũng làm gia tăng tình trạng dễ bị tổn thương của phụ nữ trong thiên tai. Phụ nữ có xu hướng chiếm đa số trong số dân sinh sống ở vùng nông thôn vì nam giới thường tới các khu đô thị để làm việc. Vì thế, so với nam giới, sinh kế của phụ nữ có xu hướng phụ thuộc nhiều hơn vào tài nguyên thiên nhiên và nông nghiệp, những lĩnh vực thường chịu tác động trực tiếp từ thiên tai. Họ thường làm việc và sống ở các khu vực nguy hiểm như trên sườn đồi, ven bờ sông, là những nơi có nguy cơ xảy ra xói mòn đất và lũ, khiến họ có nguy cơ dễ bị mất sinh kế khi thiên tai xảy ra. Địa vị kinh tế thấp cũng khiến cho phụ nữ ít có cơ hội phục hồi sau thiên tai. Ví dụ, nhiều phụ nữ nghèo ở các khu vực vùng trũng, vùng dễ bị thiên tai ở khu vực nông thôn không có khả năng và đủ nguồn lực để di dời tới nơi cao hơn khi lũ sông ập đến.

Bảng dưới đây nêu lên một số tình huống cho thấy tác động của thiên tai tới nam giới và phụ nữ là không giống nhau hay nói cách khác là không trung tính về giới.

Tình huống	Rủi ro với phụ nữ	Ví dụ cụ thể
Tình huống thiên tai diễn ra nhanh (Bão, lũ, sạt lở đất ...)	Phụ nữ có nguy cơ bị thương và tử vong cao hơn do các hạn chế về mặt xã hội và vai trò giới được quy định. Ở một số vùng, phụ nữ và trẻ em gái không được khuyến khích, thậm chí bị cản trở, ngăn cấm học bơi. Ở một số địa phương, trang phục đặc trưng của phụ nữ hạn chế khả năng di chuyển của họ. Ở một số nước, phụ nữ không được phép rời khỏi nhà mà không có sự cho phép hoặc hộ tống của nam giới, ngay cả khi có cảnh báo di dời của chính quyền. Cây lương thực và gia súc do phụ nữ trồng và chăn nuôi, chăm sóc bị mất mát, hư hại (ảnh hưởng trực tiếp tới nguồn thức ăn của gia đình)	Trận lụt lịch sử tại Đồng bằng sông Cửu Long từ tháng 9 đến tháng 11 năm 2000 đã làm 539 người chết, trong đó hơn 300 trẻ em (chiếm 55,6%) và trong số người lớn, phụ nữ cũng thiệt mạng nhiều hơn. Nguyên nhân chủ yếu là do trẻ em và phụ nữ không biết bơi (Nguồn: Báo cáo của Ban Chỉ đạo Phòng chống thiên tai). Tại Yên Bái, sau đợt lũ quét năm 2005 làm 50 người thiệt mạng, lũ cuốn trôi 125 ngôi nhà, hơn 1.000 ha lúa và hoa màu bị ngập úng, hàng trăm con trâu bò bị lũ cuốn trôi, phụ nữ với gánh nặng chăm sóc cho con cái và gia đình đã không còn nguồn lương thực dự trữ trong nhà cũng như thiệt hại về kinh tế và các chợ khó có thể đi vào hoạt động ngay, khiến phụ nữ không kiếm đủ nguồn lương thực cho gia đình.

Tình huống	Rủi ro với phụ nữ	Ví dụ cụ thể
Tình huống thiên tai diễn ra chậm (hạn hán, đất trồng bị nhiễm mặn, suy thoái...)	Phụ nữ mất thêm thời gian, sức lực để tích trữ nước, lấy nước, bảo vệ nguồn nước và phân phối nước cho các thành viên trong gia đình – thông thường đây là trách nhiệm của phụ nữ. Phụ nữ chịu gánh nặng duy trì và tìm kiếm thức ăn cho gia đình, đảm bảo gia đình không bị đói. Số lượng phụ nữ làm chủ gia đình tăng lên do ngày càng nhiều nam giới phải di cư lao động, kiếm việc làm. Cơ hội và khả năng tiếp cận các nguồn lương thực, nhiên liệu đun nấu, nước uống của phụ nữ ngày càng ít đi.	Tại tỉnh Gia Lai, đặc biệt là đồng bào dân tộc Ba Na và Gia Rai, phụ nữ và trẻ em gái phải đi lấy nước uống và sinh hoạt cho toàn bộ gia đình. Trận hạn hán năm 2016 làm cho việc đi lấy nước càng ngày càng khó khăn hơn. Quãng đường đi lấy nước xa hơn (từ 2 – 4km một chiều và mất khoảng từ 1 – 3 tiếng cho một lần đi lấy nước) vì các nguồn nước ngày càng cạn kiệt. Chế độ mẫu hệ cũng làm tăng gánh nặng công việc của phụ nữ dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, đặc biệt là trong hoàn cảnh thiên tai. Phụ nữ đơn thân làm chủ hộ thường phải chịu trách nhiệm nuôi toàn bộ con cái và bố mẹ đẻ của mình. Hạn hán vừa qua tại Tây Nguyên khiến những hộ gia đình mà phụ nữ đơn thân làm chủ hộ trở nên vất vả và nghèo đói hơn. Tại tỉnh Bến Tre, do hạn hán và xâm nhập mặn (2016), đất canh tác không còn sử dụng được, hầu hết thanh niên lên thành phố tìm việc làm. Phụ nữ và nam giới cũng phải đi đến các tỉnh lân cận để tìm việc làm thêm. Chủ yếu nam giới đi các tỉnh xa hơn để làm một số công việc nặng hơn như xây dựng, thợ cơ khí. Trong khi đó phụ nữ tìm các công việc phụ ở địa phương và gánh vác toàn bộ việc nhà trong gia đình. Phụ nữ cũng thường làm các công việc được trả công ít hơn. Hạn hán và xâm nhập mặn làm cho khối lượng công việc của phụ nữ nhiều hơn và họ cũng vẫn phải lo lắng việc liệu có đủ nước cho gia đình sử dụng không.
Phụ nữ ít được tiếp cận với các thông điệp cảnh báo sớm và khả năng ứng phó cũng thấp hơn so với nam giới	Phụ nữ nhiều khi không được nhận cảnh báo. Phụ nữ thiếu kiến thức về cách thức ứng phó khi nhận được cảnh báo. Phụ nữ thiếu và yếu về kỹ năng sinh tồn chẳng hạn như bơi và leo trèo. Phụ nữ thường phải phụ trách việc đưa người già và trẻ em tới nơi an toàn.	Trong đợt lũ lụt lịch sử vào năm 2000 tại Tiền Giang có 47 người chết, trong đó có 29 trẻ em và 12 là phụ nữ. Lý do chủ yếu là do trẻ em và phụ nữ không biết bơi.

Tình huống	Rủi ro với phụ nữ	Ví dụ cụ thể
Ít phụ nữ được sở hữu đất và tài sản	Phụ nữ ít có quyền quyết định liên quan tới các sản phẩm và buôn bán sản phẩm của gia đình. Phụ nữ thiếu hoặc yếu về khả năng thích ứng với các biến đổi sinh thái, dẫn tới mùa màng bị thất thu. Phụ nữ không có nguồn thu nhập.	Theo một nghiên cứu của tổ chức Ngân hàng Thế giới năm 2011, số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do phụ nữ đứng tên một mình chỉ chiếm 20%. (Theo World Bank, 2011, Báo cáo đánh giá tình hình giới tại Việt Nam) Tại Việt Nam, lao động nữ nông thôn ít có khả năng tiếp cận đào tạo nghề hơn nam giới, ngoài ra các hộ gia đình do phụ nữ làm chủ hộ cũng gặp khó khăn trong việc tiếp cận thông tin. Mặc dù các hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ được vay vốn nhưng họ vẫn gặp khó khăn trong việc tiếp cận các dịch vụ. Theo Báo cáo Phụ nữ & Các mục tiêu Phát triển Bền vững của LHQ năm 2016. Tại Việt Nam, phụ nữ chiếm tới 60% lực lượng lao động, tuy nhiên, phụ nữ ít có khả năng tiếp cận đất đai và nguồn lực sản xuất hơn nam giới. Chỉ có 9% số chủ trang trại là phụ nữ và phụ nữ làm nông nghiệp quy mô nhỏ có khả năng tiếp cận đất đai thấp hơn hẳn so với nam giới (Theo Báo cáo Phụ nữ & Các mục tiêu Phát triển Bền vững của LHQ năm 2016)
Phụ nữ có thu nhập thấp hơn nam giới	Mức độ dễ bị tổn thương của phụ nữ cao hơn khi đối mặt với tình huống thiếu lương thực, mất mùa, thiên tai.	Trên thị trường lao động toàn cầu, thu nhập trung bình của phụ nữ vẫn thấp hơn nam giới 24%. Ở Việt Nam, mặc dù có trình độ ngang nhau, phụ nữ vẫn có thu nhập thấp hơn nam giới. Có nhiều phụ nữ làm các công việc không chính thức và dễ bị tổn thương hơn nam giới, đồng thời họ cũng ít được tiếp cận các dịch vụ bảo trợ xã hội. Phụ nữ ít có cơ hội tiếp cận các công việc ổn định lương cao trong khu vực chính thức. Việc làm của phụ nữ chủ yếu thuộc khu vực phi chính thức, do vậy kiếm được ít tiền hơn và ít ổn định hơn.

Tình huống	Rủi ro với phụ nữ	Ví dụ cụ thể
Phụ nữ có trình độ học vấn thấp hơn	Việc này cản trở phụ nữ tiếp cận các thông tin cũng như hạn chế khả năng phòng ngừa và ứng phó với thiên tai.	Phụ nữ chiếm 2/3 số người mù chữ trên toàn thế giới. 23% phụ nữ ở các nước đang phát triển bị mù chữ. Ở Việt Nam, tỷ lệ mù chữ của phụ nữ là 3,6% (Theo Điều tra Đánh giá Các Mục tiêu Trẻ em và Phụ nữ 2011 của Tổng cục thống kê)
Phụ nữ ít được tham gia vào các cơ quan ra quyết định	Phụ nữ không có cơ hội áp dụng năng lực của mình; nhu cầu và mối quan tâm của phụ nữ không được nhắc đến và phụ nữ không được chú ý tới trong xây dựng các chương trình, chính sách	Tỷ lệ phụ nữ tham gia các cơ quan ra quyết định rất thấp. Các chuẩn mực và thái độ về mặt văn hóa – xã hội ngăn cản phụ nữ tham gia vào quá trình ra quyết định. Tại Việt Nam, số phụ nữ nắm vị trí lãnh đạo đang giảm. Ví dụ, tỷ lệ phụ nữ nắm giữ vị trí bộ trưởng và tương đương đã giảm từ 12% trong giai đoạn 2007-2011 xuống còn 4,5% trong giai đoạn 2011-2016. Những vị trí cao trong lĩnh vực thực thi pháp luật như công an, kiểm sát và tòa án phần lớn vẫn do nam giới nắm giữ. Theo Báo cáo Phụ nữ & Các mục tiêu Phát triển Bền vững của LHQ năm 2016. Phần trăm nữ chủ tịch UBND cấp xã 3,42%, cấp huyện 3,02% và cấp tỉnh 3,12% (nhiệm kỳ 2004 – 2011).
Phụ nữ ít được tiếp cận các nguồn lực	Phụ nữ phải chịu sự bất bình đẳng trong việc tiếp cận thị trường, nguồn tín dụng, thông tin cũng như dịch vụ cứu trợ, do đó khả năng phục hồi sau thiên tai của phụ nữ cũng thấp hơn nam giới	Phụ nữ ít có khả năng tiếp cận đất đai và nguồn lực sản xuất hơn nam giới. Ở Việt Nam, chỉ có 9% số chủ trang trại là phụ nữ và phụ nữ làm nông nghiệp quy mô nhỏ có khả năng tiếp cận đất đai thấp hơn hẳn so với nam giới. Phụ nữ gặp nhiều khó khăn hơn trong tiếp cận các nguồn tín dụng do họ không có tài sản sở hữu để làm thế chấp. Tại Việt Nam, phụ nữ phụ thuộc vào nông nghiệp nhiều hơn nam giới, khiến họ phải đối mặt với nguy cơ mất thu nhập và nguồn lực lớn hơn do bão, lụt và hạn hán. Hơn nữa, khả năng tiếp cận tài nguyên, tín dụng, thị trường và dịch vụ mở rộng kém hơn cũng khiến phụ nữ có sức chống chịu kém hơn, đặc biệt là những người thuộc hộ nghèo.

Đặc biệt hơn nữa, các nhận định mang tính định kiến về việc phụ nữ và nam giới có thể và không thể làm gì hoặc nên và không nên làm gì có thể làm cho những khác biệt giữa phụ nữ và nam giới trở nên trầm trọng hơn, đôi khi gây ra những hệ quả nghiêm trọng. Cho dù vậy, giới lại vẫn luôn là yếu tố ít được quan tâm nhất trong các hoạt động nhân đạo.

Trên thực tế, nhận thức của phụ nữ và nam giới về rủi ro thiên tai cũng không giống nhau. Ngay cả khi phụ nữ và nam giới cùng ở trong một tình huống bị thiên tai tác động thì họ vẫn khác nhau về mức độ dễ bị tổn thương cũng như cơ hội, khả năng tiếp cận các nguồn lực. Chính vì thế, phụ nữ và nam giới sẽ hình thành những kỹ năng ứng phó thiên tai không giống nhau.

Nói tóm lại, phụ nữ khác với nam giới về mức độ rủi ro mà họ phải đối mặt, về mức độ dễ bị tổn thương cũng như các năng lực ứng phó do có những khác biệt trên cơ sở giới và bất bình đẳng giới trong chính trị, văn hóa, kinh tế và xã hội. Việc nhận định rằng rủi ro thiên tai trung tính về giới có thể gây nên nhiều hậu quả, ví dụ như:

- Thiếu chính xác trong xác định rủi ro thiên tai và đánh giá mức độ rủi ro của các nhóm đối tượng nam, nữ, các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương trong cộng đồng.
- Đưa ra các chính sách, ưu tiên và hỗ trợ tài chính nhằm giảm thiểu rủi ro không phù hợp cả ở cấp trung ương và địa phương;
- Xây dựng các giải pháp giảm thiểu rủi ro, tình trạng dễ bị tổn thương và tăng cường năng lực ứng phó không phù hợp hoặc thiếu hiệu quả;
- Khó đảm bảo toàn cộng đồng sẽ tích cực tiếp nhận hoặc ủng hộ các can thiệp nhằm giảm nhẹ rủi ro thiên tai;
- Các can thiệp có thể tạo ra hoặc làm trầm trọng hơn tình trạng bất bình đẳng giới và dễ bị tổn thương của địa phương.

Như vậy, có thể nói, để có được các can thiệp giảm nhẹ rủi ro thiên tai hiệu quả và tiết kiệm chi phí, huy động tối đa các nguồn lực và giảm tối thiểu các tác động mà thiên tai mang lại, cần thiết phải đảm bảo được tính nhạy cảm giới trong quá trình quản lý rủi ro thiên tai ở tất cả các bước.

4. MỘT SỐ QUAN ĐIỂM SAI LỆCH VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG GIẢM NHẹ RỦI RO THIÊN TAI

Các kỳ vọng, nhận định về vai trò của phụ nữ và nam giới cũng như về năng lực và nhu cầu của họ trong thiên tai là nhân tố ảnh hưởng lớn tới việc xây dựng, thiết kế các chương trình và dự án và giảm nhẹ rủi ro thiên tai. Định kiến có thể sẽ đưa tới những quyết định thiếu chính xác. Dưới đây là một số ví dụ và phân tích về các trường hợp này.

Quan điểm 1: Bình đẳng giới chỉ hướng tới phụ nữ và các dự án dành riêng cho phụ nữ

Nói tới bình đẳng giới không phải chỉ nói về phụ nữ mà là nói về những khác biệt giữa nam giới và phụ nữ trong vai trò giới, trong cơ hội tiếp cận nguồn lực và khả năng tham gia đầy đủ của một cá nhân vào một hoạt động nào đó. Chỉ khi nào chúng ta xác định và nhận thức được những khác biệt đó cũng như ý nghĩa của chúng, ta mới có thể biết được nhóm nam giới, phụ nữ, trẻ em trai hay trẻ em gái nào là nhóm yếu thế, từ đó đưa ra các chiến lược cụ thể để giải quyết sự khác biệt đó. Trong nhiều trường hợp, các dự án có tính nhạy cảm giới lại hướng tới đối tượng hưởng lợi là nam giới. Ví dụ, tại Đảo Ambae, Vanuatu, vào mùa hạn hán, nam giới phải đi lấy nước từ làng lân cận khi trong nhà hết nước. Nếu hạn hán trầm trọng hơn do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, nam giới sẽ mất nhiều công sức cho việc lấy nước hơn. Khi đó, một dự án hỗ trợ người dân tích trữ nước mưa nhằm giải quyết vấn đề thiếu nước sẽ giúp giảm bớt gánh nặng của nam giới. Hay nam giới ở các khu vực ven biển tại Việt Nam, họ phải ra khơi làm nghề đánh bắt cá, các cơn bão đến Việt Nam khiến họ là một trong những đối tượng đầu tiên gặp nguy hiểm. Một số dự án đã hỗ trợ nam giới đi biển trang thiết bị thông tin thu nhận tín hiệu báo bão, tập huấn nâng cao kiến thức và kỹ năng cho nam giới về phòng, chống thiên tai trên biển cũng như kỹ năng tiếp nhận và gửi các thông tin cảnh báo thiên tai và cấp cứu.

Quan điểm 2: Không cần thiết phải thay đổi vai trò của nam giới và phụ nữ vì điều đó thuộc về truyền thống văn hóa

Trên thực tế, văn hóa có sự thay đổi và phát triển theo thời gian. Chẳng hạn như, phụ nữ cũng được đi làm, được trả công thay vì chỉ ở nhà làm nội trợ như trước đây và cũng đóng góp vào thu nhập của cả gia đình. Phụ nữ cũng đi làm như nam giới nên việc chăm sóc các thành viên trong gia đình và nội trợ khác cần phải được chia sẻ giữa nam giới và phụ nữ. Phụ nữ ngày nay không chỉ được đi học mà còn được tham gia vào các cơ quan quản lý nhà nước và hệ thống chính trị. Chính vì văn hóa luôn luôn thay đổi, chúng ta có thể lựa chọn hoặc chấp nhận giữ nguyên hiện trạng hoặc cố gắng tác động để tạo ra những chuyển biến tích cực, tốt đẹp hơn. Nếu như nền văn hóa của chúng ta không coi trọng phụ nữ hoặc đặt phụ nữ ở vị trí thấp hơn nam thì sẽ khó có được những thay đổi theo hướng tích cực mà có thể sẽ tạo ra lợi ích cho tất cả mọi người, nhất là các thế hệ sau của chúng ta. Những khía cạnh tích cực của văn hóa (VD: coi trọng phụ nữ) có thể thúc đẩy bình đẳng giữa mọi người trong xã hội.

Quan điểm 3: Quản lý thiên tai là việc của các chuyên gia

Tác động, ảnh hưởng và hậu quả của thiên tai tác động tới mọi người dân, tới các nhóm đối tượng nam, nữ, người cao tuổi, các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương ...trong cộng đồng, chính vì vậy nếu vấn đề Quản lý rủi ro thiên tai chỉ dựa vào các chuyên gia và dựa vào hệ thống của nhà nước thì sẽ không thể có sự ứng phó và chuẩn bị tốt.

Bên cạnh tính kỹ thuật của công tác quản lý thiên tai, thì các vấn đề xã hội trong quá trình Quản lý rủi ro thiên tai rất lớn. Chính các vấn đề xã hội, các vấn đề bất bình đẳng giới hiện nay cũng có tác động không nhỏ tới tính thiết thực và hiệu quả trong quá trình quản lý rủi ro thiên tai. Việc phòng, chống thiên tai cần phải xuất phát từ nhận thức của chính người dân, cần phải dựa vào cộng đồng từ khâu chuẩn bị ứng phó cho tới giai đoạn phục hồi, thì công tác phòng chống thiên tai mới thực sự có hiệu quả và đáp ứng được nhu cầu của người dân.

Quan điểm 4: Nhạy cảm giới có nghĩa là hiểu được rằng phụ nữ dễ bị tổn thương bởi thiên tai hơn nam giới

Trong một số tình huống, đôi khi các nhóm phụ nữ dễ bị tổn thương bởi thiên tai hơn các nhóm đối tượng khác. Tuy nhiên, một số nhóm nam giới cũng có thể dễ bị tổn thương hơn so với phụ nữ, chẳng hạn như các nhóm nam giới làm nông, thất nghiệp, lớn tuổi hoặc sống một mình. Trên thực tế, cả phụ nữ và nam giới đều có thể rơi vào tình trạng dễ bị tổn thương do những định kiến cũng như những bất bình đẳng trong phân công công việc, trong tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực và trong quá trình ra quyết định. Bản thân phụ nữ và nam giới đều có khả năng/năng lực riêng đóng góp trong giảm nhẹ rủi ro thiên tai, điều này phụ thuộc rất nhiều vào việc tạo cơ hội cho cả hai giới trong các hoạt động trước, trong và sau thiên tai.

Quan điểm 5: Biện pháp tốt nhất nhằm đảm bảo bình đẳng giới trong quản lý rủi ro thiên tai là để cho phụ nữ tham dự các cuộc họp về giảm nhẹ rủi ro thiên tai

Phụ nữ nên được tham gia các cuộc họp, hơn thế nữa, họ nên được khuyến khích phát biểu, đóng góp ý kiến và tự do trình bày quan điểm của mình. Tuy nhiên, việc đảm bảo sự tham gia bình đẳng của cả nam giới và phụ nữ vào quá trình ra quyết định không thể chỉ dừng lại ở việc tham gia các cuộc họp, mà cần phải tính đến chất lượng tham gia của phụ nữ. Họ có nêu được vấn đề, nhu cầu của phụ nữ không? Ý kiến của họ có được ghi nhận không? Họ có được tham gia quá trình ra quyết định không?

Quan điểm 6: Bình đẳng giới đem lại lợi ích cho cả phụ nữ và nam giới, vì vậy không cần thiết phải tách biệt phụ nữ và nam giới

Đã có nhiều chương trình, dự án về giảm nhẹ rủi ro thiên tai tập trung các giải pháp công nghệ và xây dựng cơ sở hạ tầng dựa trên nhận định rằng tất cả mọi người trong cộng đồng đều được hưởng lợi từ dự án đó, vì thế không cần thiết phải tách biệt phụ nữ và nam giới. Tuy nhiên, trên thực tế, các can thiệp này có thể không đảm bảo tính khả thi đối với tất cả các nhóm đối tượng trong cộng đồng.

Quan điểm 7: Giải quyết các vấn đề giới trong thiên tai tức là đáp ứng các nhu cầu cơ bản của phụ nữ và nam giới

Đã có rất nhiều chương trình, dự án về giảm nhẹ thiên tai tập trung vào giải quyết các nhu cầu cơ bản của phụ nữ và nam giới, chẳng hạn như khả năng tiếp cận nguồn lương thực, nước uống, nhiên liệu. Những can thiệp như vậy đều nhằm mục đích cải thiện điều kiện sống của người dân. Các biện pháp này rất cần thiết trong một thời điểm cụ thể, tuy nhiên lại chưa thể giải quyết được những bất bình đẳng mang tính gốc rễ, cụ thể là rút ngắn khoảng cách trong tiếp cận cơ hội, nguồn lực và tham gia vào quá trình ra quyết định trong các giai đoạn thiên tai. Các nhu cầu mang tính dài hạn này được coi là các nhu cầu giới chiến lược.

Ví dụ: việc thiếu kiến thức về cách ứng phó với bão có thể là nguyên nhân làm gia tăng tình trạng dễ bị tổn thương. Tuy nhiên, khi có tập huấn về giảm nhẹ rủi ro thiên tai, nhiều phụ nữ lại không tham gia do họ không thể bố trí được thời gian nếu lớp tập huấn được tổ chức cả ngày hay vào buổi tối. Khi đó, cần thiết phải cân nhắc thời gian và địa điểm tổ chức tập huấn sao cho thuận tiện với cả phụ nữ và nam giới để mọi người đều có thể tham dự. Một nguyên nhân khác khiến phụ nữ ít tham gia các cuộc họp hay tập huấn là vì quan điểm xã hội và truyền thống cho rằng nam giới có vai trò đại diện cho hộ gia đình mình để tham gia các hoạt động như vậy. Khi đó, lại cần có các biện pháp nhằm nâng cao nhận thức, giúp cho cả nam giới và phụ nữ hiểu được lợi ích và tầm quan trọng của việc phụ nữ tham gia các hoạt động tập huấn. Đôi khi, có thể cần thiết phải tổ chức một lớp tập huấn dành riêng cho phụ nữ nếu điều đó khiến họ cảm thấy thoải mái hơn khi đặt câu hỏi cũng như bày tỏ quan điểm của mình.



Người dân vận chuyển lục bình về nhà tại Ấp Phú Nhuận, xã Tân Nhuận Đông, Huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Ảnh: UN WOMEN

5. PHÂN TÍCH GIỚI TRONG GIẢM NHẸ RỦI RO THIÊN TAI

5.1. Phân tích giới là gì và vì sao cần phân tích giới?

Khi triển khai một chương trình, dự án dành cho cộng đồng, việc bỏ qua những khác biệt trong vai trò và nhu cầu của nam giới và phụ nữ có thể khiến cho mục tiêu của dự án không thể đạt được.

Lấy ví dụ tại một vùng nông thôn đang gặp khó khăn về nguồn thực phẩm và chất lượng dinh dưỡng trong thực phẩm, một tổ chức phi chính phủ dự định sẽ triển khai một dự án nhằm tăng sản lượng nông nghiệp thông qua áp dụng các giống chất lượng cao và phân bón phù hợp. Vì người nông dân ở địa bàn dự án chưa từng dùng loại phân bón này nên người ta đã phát cho mỗi người một quyển sổ tay hướng dẫn cách sử dụng. Tuy nhiên, ở địa bàn này tỷ lệ phụ nữ mù chữ rất cao. Trong khi đó, trên thực tế nam giới ở đây tham gia vào khâu làm đất còn phụ nữ phụ trách gieo hạt, nhổ cỏ dại và chăm sóc cây, bao gồm cả bón phân. Vì vậy, mặc dù được phát sách hướng dẫn song phụ nữ lại không tiếp cận được thông tin trong sách. Các cán bộ dự án lại không hề nhận thấy điều này. Như vậy, mục đích giúp cho người nông dân tiếp cận được thông tin về phân bón và biết cách áp dụng cuối cùng lại không đạt được.

Ví dụ trên cho thấy một chương trình, dự án có thể thất bại nếu như phạm phải các lỗi sau:

- ▶ Bỏ qua sự khác biệt trong vai trò sản xuất và tái sản xuất của phụ nữ và nam giới.
- ▶ Không giải quyết được sự bất bình đẳng giới trong tiếp cận nguồn lực và dịch vụ.
- ▶ Không ghi nhận vai trò quan trọng của phụ nữ.

Có thể thấy khi thiết kế chương trình, dự án, nếu chúng ta không tìm ra và giải quyết được các nguyên nhân gốc rễ của khoảng cách giới cũng như hiểu được mối quan hệ giới trong vấn đề đó thì không những có thể khiến dự án thất bại mà còn có thể làm trầm trọng hơn thực trạng bất bình đẳng và phân biệt giới. Nói cách khác, để không mắc phải những sai lầm trên, cần thiết phải tiến hành phân tích giới trước khi xây dựng hoặc triển khai một chương trình, dự án.

Vậy thế nào là phân tích giới? Dưới đây là hai định nghĩa thường được sử dụng và tổ chức Hợp tác phát triển Canada (CIDA):

- ▶ Phân tích giới là việc nghiên cứu những sự khác biệt về điều kiện, nhu cầu, tỷ lệ tham gia, khả năng tiếp cận các nguồn lực và sự phát triển, mức độ kiểm soát tài sản, mức độ quyền lực trong ra quyết định giữa nam giới và phụ nữ khi thực hiện vai trò giới mà họ được gán cho (định nghĩa của tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc FAO).
- ▶ Phân tích giới là việc sử dụng tập hợp nhiều phương pháp và công cụ khác nhau nhằm tìm hiểu mối quan hệ giữa nam giới và phụ nữ, khả năng tiếp cận nguồn lực của họ, các hoạt động của họ cũng như các hạn chế, ràng buộc mà họ phải đối mặt.
- ▶ Phân tích giới cung cấp các thông tin giúp ghi nhận rằng giới và mối quan hệ của giới với các yếu tố chủng tộc, dân tộc, văn hóa, tầng lớp xã hội, tuổi tác, tình trạng khuyết tật và/hoặc các tình

trạng khác có vai trò quan trọng trong việc tìm hiểu các tập quán tham gia, các kiểu hành vi và mô thức hành động của phụ nữ và nam giới trong các cấu trúc kinh tế, xã hội và luật pháp.

Nói cách khác, phân tích giới là nỗ lực mang tính hệ thống nhằm xác định các vấn đề cốt lõi gây ra bất bình đẳng giới hoặc cản trở việc đạt được các mục tiêu phát triển. Tiến hành phân tích giới cũng có nghĩa là cần phải làm các việc sau:

- ▶ Xác định sự khác biệt giữa phụ nữ và nam giới trong các vai trò giới của họ.
- ▶ Ví dụ: sự khác biệt về điều kiện, tỷ lệ tham gia, khả năng tiếp cận các nguồn lực và sự phát triển, mức độ kiểm soát tài sản.
- ▶ Xác định các vấn đề chính gây ra bất bình đẳng giới.
- ▶ Ví dụ: các rào cản đối với sự tham gia của phụ nữ vào một hoạt động, lĩnh vực nhất định (các yếu tố kinh tế, xã hội, văn hóa, chính trị, luật pháp)
- ▶ Nghiên cứu các mối quan hệ quyền lực.
- ▶ Phụ nữ và nam giới tạo nên các mối quan hệ khác nhau trong các lĩnh vực khác nhau, và trong mỗi mối quan hệ đó, vị thế quyền lực của họ cũng có thể khác nhau. Ví dụ: Ai có quyền ra quyết định trong các công việc nhà? Ai có quyền được lên tiếng? Ai không được lắng nghe trong cộng đồng?

Để thực hiện được Phân tích giới điều quan trọng nhất là phải thu thập thông tin và số liệu có tách biệt nam và nữ. Thời điểm tốt nhất để tiến hành phân tích giới là ngay trong quá trình bắt đầu xây dựng và thiết kế dự án/ chương trình. Để phân tích giới chúng ta cần một số công cụ sau:

5.2. Khung phân tích giới

Hiện nay, một số khung phân tích giới thường xuyên được sử dụng như khung phân tích Havard; Khung Moser; Khung sơ đồ phân tích giới; Khung tăng quyền năng của phụ nữ. Để tiến hành phân tích sự khác biệt giữa phụ nữ và nam giới trong giảm nhẹ rủi ro thiên tai, chúng tôi giới thiệu 4 công cụ phân tích giới được lựa chọn từ các loại khung trên bao gồm:

- ▶ Công cụ 1: Phân công lao động theo giới
- ▶ Công cụ 2: Tiếp cận và kiểm soát nguồn lực
- ▶ Công cụ 3: Ra quyết định
- ▶ Công cụ 4: Đánh giá nhu cầu giới

5.2.1. Công cụ 1: Phân công lao động theo giới

Mục đích

Giúp xác định những loại công việc mà phụ nữ và nam giới thường làm ở các giai đoạn của thiên tai (trước, trong và sau); trên cơ sở đó thấy được lý do tại sao có những loại công việc hầu như mặc nhiên chỉ dành cho nữ, hoặc chỉ dành cho nam; thông qua tìm hiểu 3 vai trò giới gồm vai trò sản xuất, tái sản xuất, và cộng đồng giúp hiểu rõ hơn việc sử dụng thời gian, nguyên nhân của sự phân công lao động, đồng thời cũng đặt ra những câu hỏi để giải quyết sự khác biệt trong phân công lao động.

Cách thức thực hiện

Bước 1	Liệt kê những công việc hoặc hoạt động mà phụ nữ và nam giới thường làm trước, trong và sau thiên tai.
Bước 2	Xác định xem những loại công việc nào mà tập trung nhiều nam và những loại công việc nào hầu như chỉ có phụ nữ đảm nhận.
Bước 3	Xác định và lượng hóa sự khác biệt giữa nam giới và phụ nữ trong từng công việc hoặc lĩnh vực bằng cách dùng khoảng thời gian (tiếng, phút) hay mức độ (nhiều/ít) hoặc ký hiệu.
Bước 4	Xác định khoảng cách về việc sử dụng thời gian giữa nam và nữ; các vấn đề bất bình đẳng giới hoặc khác biệt trong phân công lao động cần thay đổi.
Bước 5	Tìm hiểu và phân tích các nguyên nhân dẫn tới sự khác biệt hay bất bình đẳng về phân công lao động giữa phụ nữ và nam giới thông qua câu hỏi “tại sao có sự khác biệt đó”.
Bước 6	Gợi ý những biện pháp can thiệp nhằm giải quyết bất bình đẳng trong phân công lao động hiện tại.



Lưu ý

Khi phân tích công cụ này chúng ta nên đưa thành bảng để phân tích

Hoạt động	Nam giới	Phụ nữ
Hoạt động/lĩnh vực sản xuất Công việc 1 Công việc 2 Công việc 3 ...		
Hoạt động/lĩnh vực tái sản xuất Công việc 1 Công việc 2 Công việc 3 ...		
Hoạt động/lĩnh vực cộng đồng Công việc 1 Công việc 2 Công việc 3 ...		

5.2.2. Công cụ 2: Tiếp cận và kiểm soát nguồn lực

Mục đích

Để thực hiện các loại công việc trên, phụ nữ và nam giới cần xác định các loại nguồn lực (nhân lực, thời gian, tài chính, tài nguyên và lợi ích) cần có để thực hiện công việc phòng chống thiên tai. Vậy với tính chất công việc của từng giới thì việc hỗ trợ nguồn lực có giống nhau không? Tìm hiểu sự khác biệt về tiếp cận và kiểm soát nguồn lực của phụ nữ và nam giới, dẫn đến những lợi ích do công việc của họ mang lại cũng khác nhau. Gợi mở những giải pháp nhằm giải quyết các bất bình đẳng hoặc khác biệt đó.

Cách thức thực hiện

Bước 1	Liệt kê những nguồn lực mà phụ nữ và nam giới cần để thực hiện các loại công việc trong giai đoạn trước, trong và sau thiên tai.
Bước 2	Xem xét và phân tích xem giữa phụ nữ và nam giới, ai là người đang sử dụng và ai là người được kiểm soát từng nguồn lực đó;
Bước 3	Xác định và lượng hóa sự khác biệt trong sử dụng và kiểm soát từng nguồn lực bằng ký hiệu mô tả mức độ nhiều, ít hoặc không được tiếp cận hay kiểm soát nguồn lực.
Bước 4	Xác định các vấn đề bất bình đẳng giới hoặc khác biệt trong tiếp cận và kiểm soát nguồn lực cần ưu tiên giải quyết.
Bước 5	Phân tích nguyên nhân dẫn tới sự khác biệt hay bất bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới trong tiếp cận và kiểm soát nguồn lực bằng câu hỏi tại sao.
Bước 6	Gợi ý những biện pháp can thiệp nhằm giải quyết bất bình đẳng trong phân công lao động.



Lưu ý

Khi phân tích công cụ này chúng ta nên đưa thành bảng để phân tích

Các nguồn lực	Tiếp cận			Kiểm soát		
	Nam giới	Phụ nữ	Khác	Nam giới	Phụ nữ	Khác
Nguồn lực 1						
Nguồn lực 1						
...						

5.2.3. Công cụ 3: Ra quyết định

Mục đích

Giúp xác định và phân tích về quá trình ra quyết định trong lĩnh vực quản lý rủi ro thiên tai. Đồng thời xác định sự khác biệt hay bất bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới trong việc ra quyết định, xác định nguyên nhân của sự khác biệt hay bất bình đẳng đó. Từ đó, gợi mở những biện pháp can thiệp nhằm cải thiện sự khác biệt hoặc bất bình đẳng.

Cách thức thực hiện

Bước 1	Xác định và liệt kê những loại quyết định mà phụ nữ và nam giới phải đưa ra trong quá trình ứng phó và giảm nhẹ RRTT.
Bước 2	Rà soát và phân tích từng loại quyết định xem giữa nam giới và phụ nữ thì ai là người đưa ra các quyết định, ai là người được hỏi ý kiến/được tham vấn khi đưa ra từng quyết định.
Bước 3	Mô tả sự khác biệt các mô hình giảm nhẹ RRTT do phụ nữ và nam giới làm chủ trong quá trình ra quyết định thông qua hình vẽ hoặc ký tự.
Bước 4	Tìm hiểu và phân tích nguyên nhân dẫn tới sự khác biệt giữa các mô hình quản lý và giảm nhẹ RRTT do phụ nữ và nam giới làm chủ trong quá trình ra quyết định.
Bước 5	Xác định các vấn đề bất bình đẳng giới hoặc khác biệt trong quá trình ra quyết định.
Bước 6	Gợi mở những giải pháp giải quyết nguyên nhân dẫn tới sự khác biệt hoặc bất bình đẳng giới trong quá trình ra quyết định.

5.2.4. Công cụ 4: Đánh giá nhu cầu giới

Mục đích

Giúp xác định các nhu cầu của phụ nữ và nam giới trong quản lý và giảm nhẹ RRTT; phân tích sự khác biệt về nhu cầu của phụ nữ và nam giới, từ đó gợi mở cách thức đáp ứng tốt nhất nhu cầu của phụ nữ và nam giới nhằm thay đổi vai trò giới truyền thống.

Cách thức thực hiện

Bước 1	Liệt kê nhu cầu của nam giới và nữ trong các giai đoạn thiên tai.
Bước 2	Rà soát và xem xét và phân biệt đâu là nhu cầu thực tế và đâu là nhu cầu chiến lược.
Bước 3	Mã hóa sự khác biệt về nhu cầu khác biệt giữa nam giới và phụ nữ bằng các ký tự hoặc ký hiệu.
Bước 4	Cùng thảo luận để xác định các nhu cầu thực tế và chiến lược của nam giới và phụ nữ trong các giai đoạn thiên tai.
Bước 5	Phân tích các nhu cầu chiến lược để xác định các hoạt động nhằm cải thiện hoặc thay đổi vai trò truyền thống của phụ nữ và nam giới.

5.3. Phương pháp nghiên cứu

Có hai loại phương pháp nghiên cứu thường được áp dụng đó là phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu định lượng. Trong đó phương pháp nghiên cứu định tính là thu thập thông tin và mô tả các thông tin thu được dưới dạng chữ viết, đặc điểm hoặc mô tả tình trạng. Phương pháp nghiên cứu định lượng là thu thập thông tin và mô tả thông tin thu được dưới dạng số liệu hay con số, tỷ lệ phần trăm. Các phương pháp nghiên cứu định tính được sử dụng để tìm hiểu sự khác biệt giữa phụ nữ và nam giới trong quá trình phòng chống và giảm nhẹ RRTT, thông qua phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm. Phương pháp nghiên cứu định lượng được sử dụng đó là phỏng vấn bằng bảng hỏi. Dưới đây là gợi ý về một số phương pháp hữu ích để tiến hành phân tích giới trong giảm nhẹ RRTT.

5.3.1. Nghiên cứu thứ cấp

Mục đích

Rà soát và tìm kiếm các văn bản, tài liệu, số liệu sẵn có liên quan đến chủ đề nghiên cứu, đặc biệt là các số liệu phục vụ cho mục đích phân tích giới như các thông tin, số liệu, phân tích hiện có mô tả sự khác biệt về phân công lao động, nhu cầu, khả năng tiếp cận và kiểm soát nguồn lực và các yếu tố ảnh hưởng giữa phụ nữ và nam giới trong giảm nhẹ RRTT.

Nguồn số liệu

- ▶ Các báo cáo, kết quả nghiên cứu đã thực hiện tại địa bàn nghiên cứu.
- ▶ Các báo cáo hàng năm của các sở ban ngành đoàn thể trên địa bàn (cấp tỉnh/huyện/xã)
- ▶ Các số liệu thống kê của cơ quan thống kê và các ban ngành đoàn thể.
- ▶ Số liệu theo dõi và giám sát của các chương trình/Dự án.
- ▶ Các văn bản chính sách.
- ▶ Sở lao động thương binh và xã hội.
- ▶ Bảo hiểm xã hội.
- ▶ Hội phụ nữ.
- ▶ Ủy ban dân tộc.
- ▶ Sở tài nguyên môi trường.
- ▶ Nguồn internet.

Các bước thực hiện

Bước 1	Tìm kiếm thông tin
Bước 2	Phân nhóm thông tin
Bước 3	Sàng lọc thông tin hữu ích đáp ứng mục đích nghiên cứu
Bước 4	So sánh và phân tích các số liệu thu được
Bước 5	Chọn thông tin đưa vào báo cáo phân tích giới
Bước 6	Trích nguồn tham khảo của các thông tin trích dẫn trong báo cáo



Lưu ý quan trọng

Phản ánh trung thực thông tin, không bóp méo, không phản ánh sai

Không dự đoán hoặc bổ sung thêm làm sai lệch ý nghĩa của thông tin trích dẫn

5.3.2. Phỏng vấn sâu

Là phương pháp thu thập thông tin từ một cá nhân hiện là đại diện cho các cơ quan quản lý nhà nước hoặc cơ quan hỗ trợ cho giảm nhẹ RRTT nhằm tìm hiểu quan điểm và kinh nghiệm của họ về việc lồng ghép giới giảm nhẹ RRTT.

Đối tượng

- ▶ Lãnh đạo và cán bộ chuyên môn của các cơ quan quản lý về giảm nhẹ RRTT.
- ▶ Lãnh đạo hoặc đại diện của các cơ quan hỗ trợ cho giảm nhẹ RRTT.

Mục đích

- ▶ Tìm hiểu mức độ hiểu biết về giới và lồng ghép giới của các cơ quan quản lý nhà nước về giảm nhẹ RRTT.
- ▶ Tìm hiểu kinh nghiệm và nỗ lực lồng ghép giới vào quá trình xây dựng và thực hiện chính sách giảm nhẹ RRTT.
- ▶ Tìm hiểu hiểu biết, đánh giá và quan điểm của họ về các khía cạnh giới trong giảm nhẹ RRTT bao gồm:
 - ▶ Tiếp cận và kiểm soát nguồn lực
 - ▶ Ra quyết định

- ▶ Nhu cầu
- ▶ Phân công lao động
- ▶ Các yếu tố ảnh hưởng khác
- ▶ Tìm hiểu quan điểm và khuyến nghị của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan hỗ trợ trong lĩnh vực giảm nhẹ RRR về việc lồng ghép giới vào giảm nhẹ RRTT.

Các bước thực hiện

Bước 1	Xây dựng hướng dẫn phỏng vấn sâu: nhiệm vụ chính là xây dựng các câu hỏi định hướng cho quá trình phỏng vấn để đảm bảo thu được thông tin phù hợp
Bước 2	Đặt lịch phỏng vấn: nhiệm vụ chính là xác định thời gian diễn ra cuộc phỏng vấn
Bước 3	Tiến hành phỏng vấn sâu: quá trình tiến hành cuộc phỏng vấn sâu kéo dài trong khoảng thời gian tốt nhất là 60 phút. Tuy nhiên, tùy theo mục đích phỏng vấn, người phỏng vấn có thể linh hoạt về thời gian để đảm bảo thu thập được thông tin phù hợp. Quá trình tiến hành phỏng vấn được tiến hành theo tuần tự như sau: ▶ Giới thiệu về bản thân người phỏng vấn ▶ Giới thiệu về mục đích cuộc phỏng vấn ▶ Đặt các câu hỏi và ghi chép nội dung cuộc phỏng vấn ▶ Kết thúc cuộc phỏng vấn: cảm ơn người được hỏi
Bước 4	Xử lý và phân tích thông tin: nhiệm vụ chính của bước này đó là xử lý và phân tích các thông tin thu được từ cuộc phỏng vấn bao gồm: ▶ Nghiên cứu các dữ liệu dạng chữ ▶ Tập trung vào việc gọi tên/đặt tên cho các dữ liệu dạng chữ trên ▶ Mô tả những phát hiện mà nhà nghiên cứu quan sát thấy. ▶ Tìm hiểu mối liên hệ giữa nhóm dữ liệu này với các nhóm dữ liệu khác ▶ Tìm hiểu đặc điểm của người trả lời đồng ý hoặc từ chối trả lời về những vấn đề cụ thể. ▶ Người nghiên cứu có thể phân tích và tái cấu trúc lại các dữ liệu dạng chữ nhằm giúp người đọc hiểu được ý nghĩa sâu xa của những dữ liệu
Bước 5	Lựa chọn thông tin thu được sử dụng cho quá trình viết báo cáo: nhiệm vụ chính là chọn lọc và phát hiện hay để đưa vào báo cáo phân tích giới

**Lưu ý quan trọng**

Nên tạo không khí thân thiện và thoải mái trước cuộc phỏng vấn để hai bên dễ dàng chia sẻ

Nếu ghi âm cuộc phỏng vấn thì cần phải hỏi ý kiến trước, nếu người được hỏi đồng ý thì mới được ghi âm

Tôn trọng và đảm bảo giữ bí mật cá nhân của người được phỏng vấn và không dùng các thông tin thu được vào các mục đích khác

5.3.3. Phương pháp/công cụ 3: Thảo luận nhóm

Thảo luận nhóm là gì?

Thảo luận nhóm là phương pháp thu thập thông tin từ một nhóm cán bộ các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực giảm nhẹ RRT, người dân tại các vùng thiên tai nhằm tìm hiểu kiến thức, kinh nghiệm và quan điểm của họ liên quan đến các khía cạnh giới và lồng ghép giới trong giảm nhẹ RRTT

Mục đích

- ▶ Tìm hiểu hiểu biết, đánh giá và quan điểm của họ về các khía cạnh giới trong giảm nhẹ RRTT bao gồm:
- ▶ Tiếp cận và kiểm soát nguồn lực
- ▶ Ra quyết định
- ▶ Các yếu tố ảnh hưởng
- ▶ Nhu cầu
- ▶ Phân công lao động
- ▶ Tìm hiểu quan điểm và khuyến nghị của các họ về việc lồng ghép giới vào giảm nhẹ RRTT.

Các bước thực hiện

Bước 1	Xây dựng hướng dẫn thảo luận nhóm: nhiệm vụ chính là xây dựng các câu hỏi định hướng cho quá trình thảo luận để đảm bảo thu được thông tin phù hợp
Bước 2	Đặt lịch thảo luận: nhiệm vụ chính là xác định đúng đối tượng và thời gian diễn ra cuộc thảo luận
Bước 3	Tiến hành cuộc thảo luận: quá trình tiến hành cuộc thảo luận nhóm nên kéo dài trong khoảng thời gian tốt nhất là 90 phút. Tuy nhiên, tùy theo mục đích phỏng vấn, người phỏng vấn có thể linh hoạt về thời gian để đảm bảo thu thập được thông tin phù hợp. Quy trình tiến hành thảo luận nhóm được tiến hành theo tuần tự như sau: ▶ Giới thiệu về bản thân người thúc đẩy thảo luận ▶ Giới thiệu đại biểu ▶ Giới thiệu về mục đích cuộc thảo luận ▶ Đặt các câu hỏi thảo luận và dành thời gian thảo luận và ghi chép nội dung chia sẻ trong cuộc thảo luận ▶ Kết thúc cuộc thảo luận: cảm ơn người được hỏi
Bước 4	Xử lý và phân tích thông tin: nhiệm vụ chính của bước này đó là xử lý và phân tích các thông tin thu được từ cuộc phỏng vấn bao gồm: ▶ Nghiên cứu các dữ liệu dạng chữ ▶ Tập trung vào việc gọi tên/đặt tên cho các dữ liệu dạng chữ trên ▶ Mô tả những phát hiện mà nhà nghiên cứu quan sát thấy. ▶ Tìm hiểu mối liên hệ giữa nhóm dữ liệu này với các nhóm dữ liệu khác ▶ Tìm hiểu đặc điểm của người trả lời đồng ý hoặc từ chối trả lời về những vấn đề cụ thể. Người nghiên cứu có thể phân tích và tái cấu trúc lại các dữ liệu dạng chữ nhằm giúp người đọc hiểu được ý nghĩa sâu xa của những dữ liệu
Bước 5	Lựa chọn thông tin thu được sử dụng cho quá trình viết báo cáo: nhiệm vụ chính là chọn lọc và phát hiện hay để đưa vào báo cáo phân tích giới



Lưu ý quan trọng

Nên tạo không khí thân thiện và thoải mái trước cuộc thảo luận

Nếu ghi âm cuộc thảo luận thì cần phải hỏi ý kiến trước và giải thích rõ là mục đích ghi âm để nhớ các nội dung thảo luận khi viết báo cáo chứ không dùng cho mục đích gì khác, nếu người được hỏi đồng ý thì mới được ghi âm

Tôn trọng và đảm bảo giữ bí mật cá nhân cho người tham gia phỏng vấn

Cần khích lệ và thúc đẩy để tất cả mọi người cùng tham gia ý kiến, không để một người nói quá nhiều và có người không được phát biểu

5.3.4. Phỏng vấn bằng bảng hỏi

Phỏng vấn bằng bảng hỏi là gì?

- ▶ Là phương pháp nghiên cứu sử dụng công cụ phỏng vấn thu thập thông tin bằng bảng hỏi cho đối tượng thu thập thông tin bao gồm: lãnh đạo và cán bộ của các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực giảm nhẹ RRTT và người dân tại các vùng thiên tai nhằm tìm hiểu kiến thức, thái độ và hành vi của cá nhân liên quan đến giới và lồng ghép giới giảm nhẹ RRTT.
- ▶ Bảng hỏi thu thập thông tin gồm tập hợp các câu hỏi đóng và câu hỏi mở về một số khía cạnh giới có liên quan các hoạt động và cơ chế hoạt động trong giảm nhẹ RRTT

Mục đích

- ▶ Thu thập thông tin liên quan đến hiểu biết, thái độ và thực hành liên quan đến giới và lồng ghép giới trong giảm nhẹ RRTT.
- ▶ Phân tích các tương quan có ảnh hưởng tới các khía cạnh giới trong giảm nhẹ RRTT như tuổi, giới tính, trình độ học vấn, nghề nghiệp, tình trạng gia đình, điều kiện kinh tế, dân tộc

Các bước thực hiện

Bước 1	Chuẩn bị bảng hỏi: nhiệm vụ chính của bước này đó là ▶ Xác định bố cục bảng hỏi ▶ Xác định nội dung bảng hỏi. ▶ Thiết kế câu hỏi gồm câu hỏi mở câu hỏi đóng ▶ Các phương án trả lời ▶ Độ tin cậy, tính hợp lệ
Bước 2	Thử nghiệm và điều chỉnh bảng hỏi: nhiệm vụ chính của bước này đó là: ▶ Kiểm tra tính hợp lý của bảng hỏi đối với chính đối tượng được hỏi. ▶ Kiểm định tính khả thi của bảng hỏi trên diện rộng. ▶ Mỗi câu hỏi có hỏi được điều mà nó định đánh giá không? ▶ Các câu hỏi có được hiểu theo cùng một cách bởi tất cả đối tượng điều tra hay không? Các câu hỏi có rõ ràng và dễ hiểu hay không? ▶ Thời gian để hoàn thành bảng hỏi là bao lâu? ▶ Các câu hỏi có thu thập được các câu trả lời khác nhau từ các đối tượng phỏng vấn hay không hay các câu trả lời này là giống nhau? ▶ Điều chỉnh bảng hỏi dựa trên kết quả thử nghiệm
Bước 3	Xác định tiêu chí chọn mẫu và chọn số lượng mẫu
Bước 4	Thu thập thông tin theo nhóm đối tượng và số mẫu đã xác định
Bước 5	Giám sát và làm sạch thông tin thu về: nhiệm vụ chính của bước này đó là đảm bảo thông tin được thu thập đầy đủ, chính xác và được làm sạch trước khi chuyển cho nhóm phân tích
Bước 6	Xây dựng mã cho bảng hỏi và nhập dữ liệu. Đây là bước người phân tích tiến hành mã hóa và nhập dữ liệu vào phần mềm sử dụng để phân tích số liệu. Phần mềm sử dụng để phân tích phổ biến là SPSS (phần mềm phân tích thống kê dành cho khoa học xã hội)
Bước 7	Lựa chọn số liệu thu được để viết báo cáo phân tích, gồm số liệu về tần suất và tương quan ví dụ như tuổi, giới tính, hay trình độ học vấn đối với từng khía cạnh phân tích



Lưu ý quan trọng

- Phải phỏng vấn thực tế, không tự điền thông tin vào phiếu hỏi
- Phản ánh trung thực thông tin mà người được hỏi đã cung cấp
- Làm sạch phiếu trước khi chuyển cho người nhập số liệu

PHẦN IV

LỒNG GHÉP GIỚI TRONG
QUẢN LÝ VÀ GIẢM NHẸ
RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO
CỘNG ĐỒNG

1. LÝ DO CẦN PHẢI LỒNG GHÉP GIỚI

1.1. Khái niệm

Là chiến lược để những quan tâm và kinh nghiệm của phụ nữ và nam giới trở thành một phần không thể tách rời trong quá trình thiết kế, lập ngân sách, thực hiện, giám sát và đánh giá các chính sách và chương trình, để phụ nữ và nam giới đều có thể hưởng lợi như nhau từ các chính sách và chương trình này.

Mục tiêu cao nhất của lồng ghép giới là đạt được bình đẳng giới.

Hiện nay vấn đề lồng ghép giới được hầu hết các chính phủ chấp nhận nhằm thúc đẩy bình đẳng giới. Lồng ghép giới bản thân nó không phải là một mục tiêu mà là một chiến lược, một cách tiếp cận để đạt được mục tiêu bình đẳng giới. Lồng ghép giới đòi hỏi đảm bảo rằng mục tiêu bình đẳng giới là trung tâm của tất cả các hoạt động phát triển. Lồng ghép giới cần thực hiện ở các cấp độ chính sách, chương trình và dự án tại tất cả các giai đoạn của chu trình lập kế hoạch (thiết kế, lập kế hoạch, thực hiện, giám sát và đánh giá).

1.2. Vì sao cần lồng ghép giới trong giảm nhẹ rủi ro thiên tai

Như đã đề cập đến ở bài trước, phụ nữ và trẻ em gái không phải bẩm sinh đã chịu tác động của thiên tai.

Tháng 3/2015, Khung Hành động Sendai về Giảm nhẹ Rủi ro Thiên tai giai đoạn 2015-2030 được thông qua tại Hội nghị Thế giới về Giảm nhẹ Rủi ro Thiên tai diễn ra tại Nhật Bản. Hội nghị cũng đưa ra hướng dẫn toàn cầu về giảm nhẹ rủi ro thiên tai. Một trong những nguyên tắc hướng dẫn việc thực hiện Khung Hành động Sendai nêu rằng “cần lồng ghép quan điểm về giới, tuổi, tình trạng khuyết tật và văn hoá vào trong tất cả các chính sách và thực tiễn” và “phụ nữ cùng sự tham gia của họ là thiết yếu để có thể quản lý hiệu quả những rủi ro thiên tai, cũng như đối với công tác xây dựng, huy động nguồn lực và thực hiện các chính sách, kế hoạch, chương trình về giảm nhẹ rủi ro có tính nhạy cảm giới, đồng thời cần thực hiện các biện pháp nâng cao năng lực phù hợp nhằm trao quyền cho phụ nữ trong thời kỳ chuẩn bị trước thiên tai cũng như xây dựng năng lực đảm bảo các phương tiện sinh kế trong điều kiện hậu thiên tai”. Ưu tiên 4 trong Khung Hành động Sendai đề cập tới việc “trao quyền cho phụ nữ và người khuyết tật để công khai dẫn dắt và thúc đẩy việc ứng phó, phục hồi và tái thiết là chìa khoá” để chuẩn bị đưa ra ứng phó hiệu quả trước khi xảy ra thiên tai.

Bình đẳng giới là một trong những quyền cơ bản của con người. Đó cũng là con đường đi tới phát triển, xóa đói giảm nghèo và bền vững môi trường. Lồng ghép giới vào các chương trình, dự án, chính sách về quản lý rủi ro thiên tai có thể đảm bảo phụ nữ và nam giới được hưởng lợi như nhau. Đồng thời, các chính sách và hành động liên quan đến giảm nhẹ RRTT có thể thu được rất nhiều từ việc lồng ghép giới, bởi vì điều đó sẽ:

Giảm nhẹ

Giảm thiểu các tác động của thiên tai (phân tích tình trạng dễ bị tổn thương, giáo dục cộng đồng)



Các đóng góp và hoạt động vận động chính sách của phụ nữ về mức độ tiếp cận với nước uống, dịch vụ y tế và giáo dục giúp cho cộng đồng giảm được tình trạng dễ bị tổn thương trước thiên tai

Phụ nữ thường có nhiều kinh nghiệm trong dự đoán các thảm họa môi trường (vd. dựa vào các loại bệnh trẻ em mắc phải, sự thay đổi trong nguồn nước, mùi lạ.)

Phòng ngừa

Dự tính cách thức ứng phó (lập kế hoạch, luyện tập ứng phó khẩn cấp, tổ chức tập huấn, hệ thống cảnh báo)



Trong khi thực hiện các trách nhiệm của mình trong gia đình và trong cộng đồng, phụ nữ có xu hướng hình thành kiến thức và kinh nghiệm sâu rộng về môi trường. Điều này rất hữu ích cho họ ở giai đoạn phục hồi sau thiên tai.

Ứng phó

Các nỗ lực nhằm giảm thiểu mức độ thiệt hại do thiên tai (tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ nhân đạo)



Các kỹ năng mà phụ nữ tích lũy được thông qua các công việc hàng ngày thường trở nên rất hữu ích khi thiên tai xảy ra. Ví dụ, thói quen quản lý cả một đại gia đình giúp phụ nữ dễ dàng biến nhà mình thành nơi trú ẩn và cung cấp thức ăn cho những người phải sơ tán khi thiên tai xảy ra. Việc cam kết chia sẻ các phúc lợi của gia đình và cộng đồng thường thúc đẩy phụ nữ hình thành các nhóm và tổ chức của riêng mình khi xảy ra thiên tai. Các tổ chức này lại sử dụng các nguồn lực của mình để cứu trợ và phục hồi sau thiên tai.

Phục hồi

Đưa cộng đồng trở về trạng thái bình thường (xây nhà tạm, hỗ trợ vốn, cung cấp dịch vụ y tế)



Ở cấp địa phương, phụ nữ thường biết rõ hơn nam giới về việc các nhóm đối tượng khác nhau bị thiệt hại như thế nào sau thiên tai, người nào trong cộng đồng nằm trong tình huống nguy cơ cao và cần làm gì để giúp họ, cũng như loại cây nào cần được bảo vệ.

- ▶ Tận dụng tài năng, năng lực và sự đóng góp của cả nam giới và nữ giới để các chính sách có thể trở nên bao quát, thành công, có hiệu lực và hiệu quả hơn.
- ▶ Tránh những ảnh hưởng tiềm tàng và không mong muốn mà các chính sách và hành động liên quan tới GN RRTT có thể làm gia tăng sự bất bình đẳng giới và đói nghèo.
- ▶ Tạo lợi ích cho nhau: các chương trình và hành động liên quan đến GN RRTT có thể nâng cao vai trò và vị thế cho phụ nữ và cải thiện điều kiện sống cũng như sinh kế cho họ, cho gia đình họ và toàn thể cộng đồng; các chương trình và hành động liên quan đến bình đẳng giới có thể đóng góp cho công tác GNRRTT.
- ▶ Đảm bảo sự gắn kết chặt chẽ hơn của chính sách với các chính sách xã hội/giới hiện hành, các cam kết về giới và quyền con người, nhờ đó có thể đóng góp vào việc đạt được bình đẳng giới và các Mục Tiêu Phát Triển Thiên Niên Kỷ (MDGs) cũng như các mục tiêu phát triển bền vững con người có liên quan.

Nói cách khác, lồng ghép giới vừa giúp xây dựng được một chính sách xã hội tân tiến (bao gồm có bình đẳng giới) vừa đảm bảo các nỗ lực giảm nhẹ RRTT thu được nhiều lợi ích. Lồng ghép giới giải quyết được những mất cân bằng trên cơ sở giới, đồng thời tận dụng được những kiến thức và kỹ năng của phụ nữ.

Từ trước tới nay, phụ nữ luôn bị coi là nạn nhân trong thiên tai. Tuy nhiên, thực tế đã chứng minh, phụ nữ đã tham gia tích cực vào các hoạt động giảm nhẹ rủi ro thiên tai ở cả các giai đoạn. Dưới đây là một số ví dụ về đóng góp của phụ nữ trong lĩnh vực này:

Kết quả từ các mô hình giảm nhẹ RRTT có tính nhạy cảm giới đã góp phần chứng minh rằng cả nam giới và phụ nữ đều được hưởng lợi từ chiến lược này – cũng có nghĩa là tất cả mọi người, gia đình, cộng đồng, xã hội và quốc gia cũng được hưởng lợi.

Hiện nay, các chính sách về GN RRTT có tính nhạy cảm giới vẫn chưa nhiều. Các năng lực, tính dễ bị tổn thương, nhu cầu và mối quan tâm đặc thù của giới vẫn chưa được đánh giá, ghi nhận và đưa vào văn bản một cách thích đáng. Để đảm bảo hiệu quả giảm nhẹ rủi ro và tính dễ bị tổn thương với thiên tai, đòi hỏi các nhà ra quyết định và hoạch định chính sách phải hiểu được lợi ích của việc lồng ghép giới.

Giảm nhẹ RRTT và giới là hai vấn đề phát triển quan hệ chặt chẽ và giao thoa với nhau. Lồng ghép giới trong giảm nhẹ RRTT đem tới cơ hội để xem xét lại các mối quan hệ giới trong xã hội nhìn từ lăng kính giới đồng thời tăng cường bình đẳng giới trong phát triển kinh tế xã hội.

1.4. Các nguyên tắc để đảm bảo tính nhạy cảm giới trong giảm nhẹ và quản lý RRTT

Để đảm bảo hiệu quả cho công tác giảm nhẹ RRTT, cần phải thực hiện các cách tiếp cận sau trong mọi giai đoạn của quá trình quản lý rủi ro thiên tai:

- ▶ Phương pháp tiếp cận Lồng ghép giới (LGG): sử dụng chiến lược LGG để rà soát lại từ góc độ giới các chính sách và thể chế chính trị, kinh tế - xã hội có tác động tới sự phát triển của phụ nữ và nam giới
- ▶ Phương pháp tiếp cận trên cơ sở quyền con người: đây là phương pháp bao trùm, định hướng để thực hiện lồng ghép các khía cạnh giới vào quản lý thiên tai. Phương pháp này bảo đảm và khẳng định các quyền con người của phụ nữ và nam giới trong các quá trình phát triển kinh tế xã hội.
- ▶ Phương pháp tiếp cận có sự tham gia: phương pháp này đảm bảo sự tham gia bình đẳng và có tính nhạy cảm giới của cả nam giới lẫn phụ nữ trong phân tích rủi ro, giúp nâng cao chất lượng và hiệu quả thiết kế chương trình và hoạch định chính sách. Phương pháp này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tăng cường sự tham gia của nam giới trong giải quyết các vấn đề liên quan đến giới trong quản lý thiên tai ở tất cả các cấp – thể chế, cộng đồng và cá nhân
- ▶ Phương pháp tiếp cận theo hướng giảm nhẹ RRTT: phương pháp này nhằm đưa các đơn vị, tổ chức liên quan khác nhau cùng nhau giải quyết việc lồng ghép giới thông qua các quá trình nhân đạo và phát triển, xã hội, chính trị và kỹ thuật. Phương pháp này giúp chuyển đổi trọng tâm mà can thiệp hướng tới, từ các hoạt động cứu trợ ngắn hạn và ứng phó khẩn cấp chuyển thành xây dựng năng lực tự cường cho các cộng đồng và thúc đẩy các hoạt động ứng phó bền vững, lâu dài.

1.5. Nguyên tắc chung về lồng ghép giới trong giảm nhẹ RRTT

- ▶ Đảm bảo tính nhạy cảm giới trong quyết định về kinh tế, sở hữu và sử dụng đất, quản lý tài nguyên thiên nhiên, phát triển xã hội và con người nhằm gia tăng năng lực của phụ nữ và nam giới, để họ có thể có môi trường sống an toàn hơn tại địa bàn dễ bị ảnh hưởng của thiên tai.
- ▶ Gia tăng khả năng tiếp cận của phụ nữ tới các nguồn lực kinh tế, giao thông và nhà cửa
- ▶ Gia tăng cơ hội tiếp cận của phụ nữ với việc làm, công nghệ, nguồn tài chính và thời gian
- ▶ Đảm bảo tiếng nói và ý kiến của phụ nữ được lắng nghe, ghi nhận khi ra quyết định và lập kế hoạch.
- ▶ Tạo điều kiện cho phụ nữ tham gia bình đẳng trong quản lý rủi ro thiên tai và đưa các tổ chức của phụ nữ vào các cơ chế hoạt động chung về phòng chống thiên tai
- ▶ Tận dụng nguồn lực của phụ nữ (kỹ năng lãnh đạo, mạng lưới chính thức và không chính thức trong cộng đồng, các kiến thức về chăm sóc và bảo vệ gia đình, cộng đồng và môi trường...)
- ▶ Xây dựng các hướng dẫn cụ thể về ứng phó thiên tai cho các nhóm phụ nữ đặc biệt như nhóm phụ nữ mang thai và cho con bú, nhóm trẻ em gái chỉ có một mình (không có người lớn bảo trợ) và nhóm phụ nữ bị lạm dụng, bạo hành

1.6. Các lĩnh vực hành động cần ưu tiên để thực hiện lồng ghép giới

Để giải quyết các vấn đề giới trong giảm nhẹ RRTT, cần thiết phải có sự thay đổi trong tư duy và thái độ của các nhà hoạch định chính sách cũng như thực thi chính sách. Mỗi công dân đều có vai trò quan trọng giảm nhẹ rủi ro thiên tai, song chính phủ là cơ quan có điều kiện tối ưu để tạo ra một môi trường thuận lợi cho bình đẳng giới trong giảm nhẹ RRTT. Nói cách khác, chính phủ chịu trách nhiệm chính trong thúc đẩy bình đẳng giới cũng như xây dựng năng lực tự cường trước thiên tai ở cấp cộng đồng và cấp quốc gia. Các nhà lập pháp và hoạch định chính sách cấp cao cũng phải chịu trách nhiệm tạo ra những tiến bộ trong lồng ghép giới vào giảm nhẹ RRTT.

Tóm lại, để phù hợp với các công cụ pháp lý và thỏa thuận quốc tế, chính phủ cần đảm bảo thực hiện những nội dung sau để thực hiện hiệu quả lồng ghép giới vào giảm nhẹ RRTT:

- ▶ Thực hiện phân tích giới và lồng ghép giới thông qua tăng cường hợp tác, phối hợp giữa các bộ ngành chịu trách nhiệm về giảm nhẹ RRTT, biến đổi khí hậu, giảm đói nghèo và giới;
- ▶ Rà soát lại các kế hoạch, chiến lược và chính sách cấp quốc gia và triển khai ngay các hành động nhằm lồng ghép yếu tố giới vào các chương trình, kế hoạch, chính sách phát triển của đất nước.
- ▶ Đảm bảo phụ nữ và nam giới có cơ hội ngang nhau trong tiếp cận với hệ thống cảnh báo sớm về thiên tai;
- ▶ Thiết lập cơ sở dữ liệu và thống kê có phân tách giới về tác động của thiên tai, tiến hành đánh giá năng lực, rủi ro và tính dễ bị tổn thương có tính nhạy cảm giới và xây dựng các chỉ số nhạy cảm giới để giám sát và đánh giá tiến trình thực hiện;
- ▶ Nâng cao nhận thức của người dân và giới truyền thông về năng lực và tính dễ bị tổn thương có tính nhạy cảm giới trong thiên tai cũng như các nhu cầu và mối quan tâm mang tính đặc thù giới trong quản lý và giảm nhẹ RRTT;
- ▶ Hỗ trợ các nghiên cứu về tính hiệu quả thực hiện và hiệu quả chi phí của các chương trình, chính sách có nhạy cảm giới trong giảm nhẹ RRTT, thích ứng biến đổi khí hậu và giảm thiểu đói nghèo;
- ▶ Xác định và duy trì mối quan hệ giữa giảm nhẹ RRTT và thích ứng biến đổi khí hậu ở góc độ giới;
- ▶ Hỗ trợ các cơ chế chia sẻ rủi ro tài chính mang tính nhạy cảm giới, bao gồm cơ chế bảo hiểm và tái bảo hiểm;
- ▶ Tăng cường phòng ngừa thiên tai, ứng phó thiên tai và lập kế hoạch dự phòng từ góc độ giới, đảm bảo đáp ứng các nhu cầu và mối quan tâm đặc thù giới của cả phụ nữ và nam giới;
- ▶ Tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong các hoạt động phối hợp tổ chức cứu trợ sau thiên tai và đảm bảo phụ nữ và nam giới được tiếp cận như nhau với các dịch vụ hỗ trợ đó;
- ▶ Xây dựng và nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ chuyên môn và các tổ chức liên quan nhằm thực hiện thành công lồng ghép giới vào tất cả các khu vực phát triển

2. LỒNG GHÉP GIỚI TRONG QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN VỀ GIẢM NHẸ RỦI RO THIÊN TAI

2.1. Phân tích giới trong QLRRTTDVCD

Bước đầu tiên trong tiến trình lồng ghép giới vào chu trình dự án là tiến hành phân tích giới nhằm tìm hiểu các mối quan hệ quyền lực giữa phụ nữ và nam giới trong bối cảnh cụ thể của chương trình, dự án. Phân tích giới cho phép ta hiểu được tình trạng đói nghèo ảnh hưởng khác nhau như thế nào tới nam giới, phụ nữ, trẻ em trai và trẻ em gái, xác định được các nhu cầu, các mối quan tâm và ưu tiên đặc thù khác nhau. Điều đó giúp cho việc đưa ra các mục tiêu của chương trình, dự án và các chiến lược nhằm thúc đẩy bình đẳng giới.

Phân tích giới cần phải làm rõ được các vấn đề sau:

- ▶ Sự khác biệt về đời sống của nhóm phụ nữ nghèo và nam giới nghèo ở địa bàn dự án
- ▶ Vị thế của phụ nữ và khả năng, mức độ thực hiện được các quyền con người của phụ nữ
- ▶ Các kỹ năng, năng lực và kỳ vọng khác nhau của phụ nữ và nam giới
- ▶ Sự phân chia lao động giữa phụ nữ và nam giới
- ▶ Sự khác nhau trong khả năng, cơ hội tiếp cận và mức độ kiểm soát các nguồn lực của phụ nữ và nam giới;
- ▶ Sự khác nhau về mức độ tham gia và vị thế lãnh đạo của phụ nữ và nam giới
- ▶ Các dấu hiệu cho thấy có phụ nữ là nạn nhân của bạo lực trên cơ sở giới
- ▶ Các rào cản do các mối quan hệ giới bất bình đẳng gây ra đối với sự phát triển của phụ nữ tại địa bàn dự án



MỘT SỐ CÂU HỎI CẦN ĐẶT RA KHI TIẾN HÀNH PHÂN TÍCH GIỚI

- Những phụ nữ và nam giới nào có quyền lực trong cộng đồng?
- Ai là người sở hữu và kiểm soát các nguồn lực?
- Ai là người ra quyết định?
- Ai là người lập kế hoạch?
- Ai là người hưởng lợi và ai là người chịu bất lợi từ các quá trình phát triển?



2.2.Lập kế hoạch và thiết kế chương trình

Mục tiêu chương trình và chính sách

Các kết quả đầu ra của khảo sát phân tích giới, thực hiện trong quá trình phân tích năng lực, tính dễ bị tổn thương và rủi ro phải là cơ sở để xác định các mục tiêu của chương trình và chính sách. Khi xây dựng mục tiêu, ta cần thực hiện được 2 nội dung sau:

- ▶ Đảm bảo mọi mục tiêu đều ghi nhận và hướng tới giải quyết sự khác biệt về giới
- ▶ Ví dụ: mục tiêu thông thường có thể là “tăng cường khả năng tiếp cận của người dân tới các thông tin cảnh báo sớm”; mục tiêu có tính nhạy cảm giới sẽ phải là “đảm bảo phụ nữ và nam giới được tiếp cận tốt hơn và như nhau với các thông tin cảnh báo sớm và hệ thống truyền thông được điều chỉnh theo hướng phù hợp với thói quen hành vi của phụ nữ và nam giới”
- ▶ Xác định các mục tiêu cụ thể nhằm tăng cường bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ
- ▶ Ví dụ: đặt ra mục tiêu là “giảm khối lượng công việc nhà cho phụ nữ”

Thiết kế chương trình

Một chương trình được thiết kế mang tính nhạy cảm giới phải đảm bảo những yếu tố sau:

- ▶ Tích cực thúc đẩy trao quyền cho phụ nữ
- ▶ Hỗ trợ phụ nữ thực hiện các trách nhiệm chủ trì của mình trong các lĩnh vực truyền thống như cung cấp thức ăn và nước uống cho gia đình và chăm sóc sức khỏe đồng thời khuyến khích, tạo điều kiện cho phụ nữ và nam giới đảm nhiệm các trách nhiệm giới phi truyền thống nhằm giúp cho phụ nữ có cơ hội thực hiện các trách nhiệm mang tính trao quyền và chiến lược hơn, trong khi đó nam giới chia sẻ các công việc tái sản xuất (giảm khối lượng công việc cho phụ nữ)
- ▶ Hỗ trợ phụ nữ thực hiện quyền sở hữu và kiểm soát các tài sản lớn như nhà cửa, nhất là quyền đồng sở hữu vì những tài sản đồng sở hữu thường có tính bền vững hơn và phụ nữ dễ dàng hơn khi duy trì quyền kiểm soát các tài sản đó
- ▶ Bảo vệ phụ nữ và trẻ em gái không bị gia tăng nguy cơ bị bạo hành trong và sau thiên tai
- ▶ Phản đối các thái độ và quan điểm mang tính phân biệt chống lại phụ nữ
- ▶ Hợp tác cùng nam giới nhằm đảm bảo sự ủng hộ của nam giới cho các hoạt động dự án liên quan tới thực hiện quyền và trao quyền cho phụ nữ;
- ▶ Nhận thức được các đặc điểm dễ bị tổn thương và mối quan tâm của các nhóm phụ nữ khác nhau, như nhóm góa phụ, trẻ em gái, phụ nữ khuyết tật
- ▶ Thiết lập các cơ chế cho phép các đối tượng hưởng lợi của dự án, bao gồm phụ nữ và nam giới, được đưa ra ý kiến phản hồi về chương trình trong đó không được bỏ qua các phản hồi liên quan tới các vấn đề giới

- Gây ảnh hưởng tới quá trình hoạch định chính sách cấp trung ương và địa phương về thích ứng và giảm nhẹ rủi ro nhằm đảm bảo bình đẳng giới và giải quyết các vấn đề về quyền của phụ nữ cũng như phụ nữ chủ động, tích cực tham gia và dẫn dắt trong quá trình ra quyết định cùng với nam giới

2.3. Thực hiện chương trình

Dưới đây là một số ví dụ về các nguyên tắc tổ chức hoạt động nhằm tăng cường bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ trong các chương trình giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu mang tính nhạy cảm giới.

Biến đổi khí hậu	Tác động	Các hoạt động can thiệp mang tính nhạy cảm giới
Nhiệt độ của môi trường nước và đất tăng lên	Nhiệt độ môi trường tăng ảnh hưởng tới cây trồng	Đảm bảo cả nam giới và phụ nữ trong lĩnh vực nông nghiệp đều được tiếp cận với các loại giống chịu nhiệt và công đoạn cày bừa, chế biến không làm gia tăng gánh nặng cho phụ nữ
	Nhu cầu nước cho trồng trọt tăng lên	Đảm bảo cả nam giới và phụ nữ trong lĩnh vực nông nghiệp đều được tiếp cận các loại giống ngắn ngày và chịu hạn tốt
		Tổ chức tập huấn cho phụ nữ về cách thức trữ nước và quản lý mùa vụ sao cho các cách thức đó không làm gia tăng gánh nặng vật chất cho phụ nữ
		Thúc đẩy hệ thống dẫn nước và trữ nước và đảm bảo phụ nữ đều được tham vấn để lựa chọn một hệ thống phù hợp
	Nhiệt độ môi trường tăng ảnh hưởng tới gia súc, gia cầm	Đảm bảo việc trồng cây (để tạo bóng mát hoặc làm thức ăn cho gia cầm, gia súc) được đưa ra thảo luận với cả phụ nữ và nam giới sao cho việc trồng được thực hiện ở khu vực phù hợp và phụ nữ được tham gia và đối xử bình đẳng trong quá trình trồng cây
Nước biển dâng	Xâm nhập mặn	Cung cấp nước sinh hoạt và nước sản xuất, đảm bảo rằng phụ nữ được tham gia vào việc thiết kế hệ thống cung cấp nước sao cho phù hợp với yêu cầu của họ

Biến đổi khí hậu	Tác động	Các hoạt động can thiệp mang tính nhạy cảm giới
Thời tiết thất thường	Người nông dân không biết được khi nào nên cày bừa, gieo hạt và thu hoạch	Đảm bảo rằng các nông dân, gồm cả nam giới và phụ nữ, đều tiếp cận được các chương trình dự báo thời tiết phù hợp và đáng tin cậy cũng như biết cách sử dụng các thông tin thu được
		Khuyến khích sử dụng đa dạng các loại hạt giống và thực hiện xen canh, đảm bảo các công đoạn cày bừa và thu hoạch không làm gia tăng gánh nặng cho phụ nữ
	Mùa màng bị hư hại do khô hạn kéo dài trong mùa gieo trồng	Đảm bảo rằng các nông dân, gồm cả nam giới và phụ nữ, đều tiếp cận được các chương trình dự báo thời tiết phù hợp và đáng tin cậy cũng như biết cách sử dụng các thông tin thu được
		Khuyến khích sử dụng đa dạng các loại hạt giống và thực hiện xen canh, đảm bảo các công đoạn cày bừa và thu hoạch không làm gia tăng gánh nặng cho phụ nữ
		Xây dựng hệ thống dẫn và trữ nước, đảm bảo cả phụ nữ và nam giới tiếp cận được với các giống ngắn ngày và chịu hạn tốt, tập huấn về cách quản lý đất trồng và mùa màng nhằm giữ được nước cho cây trồng
	Mùa màng bị hư hại bởi mưa lớn trái mùa	Đảm bảo rằng các nông dân, gồm cả nam giới và phụ nữ, đều tiếp cận được các chương trình dự báo thời tiết phù hợp và đáng tin cậy cũng như biết cách sử dụng các thông tin thu được
		Đảm bảo rằng cả phụ nữ và nam giới đều được tiếp cận với các loại giống chịu lụt và các công đoạn cày bừa và thu hoạch không làm gia tăng gánh nặng cho phụ nữ
		Khuyến khích sử dụng đa dạng các loại hạt giống và thực hiện xen canh, đảm bảo các công đoạn cày bừa và thu hoạch không làm gia tăng gánh nặng cho phụ nữ

Giảm nhẹ RRTT có tính nhạy cảm giới

Đưa giảm nhẹ RRTT làm ưu tiên hàng đầu ở mọi cấp độ cùng với một căn cứ thể chế vững chắc tạo điều kiện cho triển khai, thực hiện

- ▶ Đảm bảo các ưu tiên của các tổ chức phụ nữ cơ sở được thể hiện trong các cơ chế phối hợp về giảm nhẹ RRTT
- ▶ Đảm bảo việc phân tích và kế hoạch cho phát triển năng lực được đặt ưu tiên như nhau cả cho phụ nữ và nam giới
- ▶ Đảm bảo việc phân bổ ngân sách cho thực hiện giảm nhẹ RRTT ở tất cả các khu vực và cấp độ được ưu tiên dành cho các hoạt động mà phụ nữ được hưởng lợi
- ▶ Thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ trong quá trình lập kế hoạch có sự tham gia của cộng đồng thông qua việc áp dụng các chính sách cụ thể, cũng như trong xây dựng mạng lưới và khi quyết định các vai trò, trách nhiệm, quyền kiểm soát và quản lý các nguồn lực sẵn có

Xác định và giám sát các rủi ro, đồng thời tăng cường cảnh báo sớm

- ▶ Đảm bảo phụ nữ và nam giới tham gia bình đẳng vào quá trình lập bản đồ thiên tai và xây dựng các dữ liệu thiên tai, cũng như xác định các khía cạnh đặc thù giới trong rủi ro và tính dễ bị tổn thương
- ▶ Hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu, phân tích và báo cáo về các vấn đề dài hạn và phát sinh có nguyên cơ làm tăng các rủi ro mà phụ nữ phải đối mặt
- ▶ Khuyến khích phụ nữ tham gia trong khả năng cho phép vào hệ thống cảnh báo sớm và đảm bảo những người này phù hợp, dễ tiếp cận đối với cả nam giới và phụ nữ. Điều này có nghĩa là các cảnh báo, truyền thông và công nghệ phải được điều chỉnh để phù hợp với đặc điểm sở thích và kiểu hành vi của phụ nữ và nam giới.

Nâng cao kiến thức và xây dựng văn hóa về an toàn, tự cường ở mọi cấp độ

- ▶ Đảm bảo cả phụ nữ và nam giới đều được nâng cao kiến thức để xây dựng một văn hóa về an toàn
- ▶ Đảm bảo các hoạt động và sự kiện nhằm nâng cao hiểu biết về rủi ro ở các phụ nữ thuộc địa bàn dự án được coi là các nhân tố chính tạo ra thay đổi, và rằng các phương tiện truyền thông được sử dụng phải phù hợp với phụ nữ;
- ▶ Thúc đẩy sự quan tâm tới trẻ em, đặc biệt là trẻ em gái nhằm nâng cao nhận thức về rủi ro của các em thông qua các kênh truyền thông chính thức và không chính thức
- ▶ Đảm bảo phụ nữ có khả năng tiếp cận các khóa tập huấn về giảm nhẹ RRTT cũng như các cơ hội giáo dục một cách bình đẳng

Giảm thiểu các yếu tố rủi ro tiềm ẩn

- ▶ Đảm bảo rằng cả phụ nữ và nam giới đều có thể tiếp cận các cơ sở hạ tầng chủ chốt về an toàn (vd: nơi sơ tán, nhà tránh trú khẩn cấp, hệ thống nước, vệ sinh và y tế) đủ khả năng chống chịu với thiên tai, và rằng phụ nữ có được môi trường an toàn và riêng tư thích đáng
- ▶ Tuyên truyền tầm quan trọng của những nỗ lực hỗ trợ dành cho phụ nữ và các nhóm tham gia vào quá trình quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường sinh thái, bao gồm cả hoạt động lập kế hoạch sử dụng đất nhằm giảm thiểu rủi ro
- ▶ Khuyến khích các mô hình sinh kế đa dạng cho phụ nữ nhằm giảm tính dễ bị tổn thương của phụ nữ với thiên tai cũng như đảm bảo rằng các rủi ro mà phụ nữ phải đối mặt không bị gia tăng bởi các chính sách phát triển và hoạt động triển khai chính sách thiếu phù hợp
- ▶ Đảm bảo rằng việc xây dựng cơ chế chia sẻ rủi ro tài chính dành ưu tiên cho phụ nữ tham gia và các cơ chế này phù hợp với nhu cầu của các phụ nữ chịu rủi ro thiên tai và có thể dễ dàng tiếp cận
- ▶ Nâng cao nhận thức trong phụ nữ và nam giới về việc phụ nữ có quyền không bị bạo hành ở nhà và nơi công cộng

Tăng cường phòng ngừa nhằm ứng phó hiệu quả ở mọi cấp độ

- ▶ Các kế hoạch phòng ngừa và ứng phó phải xem xét năng lực cũng như tính dễ bị tổn thương phân chia theo giới. Các kế hoạch cần được thông báo cho phụ nữ và nam giới bằng một ngôn ngữ mà cả hai giới đều có thể hiểu, trong đó ưu tiên các hành động nhằm giảm nhẹ rủi ro thiên tai mà hai giới phải đối mặt;
- ▶ Tuyên truyền về vai trò của phụ nữ như một nhân tố chủ chốt tạo ra sự thay đổi và phụ nữ tham gia đầy đủ vào các đơn vị, tổ chức quản lý thiên tai của cộng đồng, các hoạt động diễn tập ứng phó với thiên tai v.v...

Ví dụ về lồng ghép giới hiệu quả trong giảm nhẹ rủi ro thiên tai

Phòng ngừa thiên tai và cảnh báo sớm đối với hiện tượng lũ, sạt lở đất và động đất tại Tajikistan

Ở Tajikistan, do truyền thống văn hóa, phụ nữ ít được đi học và được trả lương rất thấp, hạn chế tham gia vào các hoạt động cộng đồng. Nhiều gia đình do phụ nữ làm chủ hộ thường xuyên rơi vào tình trạng dễ bị tổn thương do nam giới di cư lao động sang CHLB Nga. Trong một dự án do Oxfam thực hiện, một trong những nội dung cơ bản là khuyến khích phụ nữ tích cực tham gia chuẩn bị cho cộng đồng phòng ngừa, ứng phó với thiên tai và lập kế hoạch cứu hộ cứu nạn. Dự án đã tổ chức tập huấn cho các nhóm chỉ có phụ nữ nhằm xây dựng sự tự tin và khuyến khích họ lên tiếng bày tỏ các mối quan tâm của mình và dạy họ các kỹ năng sơ cấp cứu cùng với quản lý thiên tai. Sau tập huấn, các phụ nữ này về dạy lại cho những phụ nữ khác trong nhà. Tác động của công tác phòng ngừa thiên tai quả là rất lớn. Trong một trận sạt lở đất sau đó, diễn ra tại khu vực có 35 hộ gia đình có nguy cơ bị vùi lấp, một cán bộ nữ của địa phương đã thực hiện khâu chuẩn bị rất hiệu quả. Nhờ đó, nguy cơ xảy ra sạt lở đất được phát hiện, sau đó các thông điệp cảnh báo được phát ra và

cả khu vực được sơ tán đi nơi khác, không có ai thiệt mạng. Trong một vụ sạt lở đất tương tự xảy ra 40 năm trước đó ở, cả làng đã có 134 người thiệt mạng.

2.4. Giám sát và đánh giá

Để giám sát và đánh giá hoạt động của dự án, điều cốt lõi là phải xây dựng được hệ thống chỉ số có tính nhạy cảm giới. Ngoài ra, cũng cần có những chỉ số cụ thể để đo lường sự thay đổi trong các mối quan hệ giới sau các giai đoạn can thiệp

Trong bước này, cần phải làm rõ được những vấn đề sau:

- ▶ Dự án đem lại những lợi ích khác nhau cho phụ nữ và nam giới như thế nào?
- ▶ Năng lực và tính dễ bị tổn thương của phụ nữ và nam giới đã được xem xét ở mức độ nào?
- ▶ Dự án đã tạo ra được tác động tích cực hay tiêu cực tới các mối quan hệ giới?

Các chỉ số nhạy cảm giới phải được xây dựng ở ngay giai đoạn đầu của dự án, có thể thông qua một quá trình nghiên cứu tiến hành cùng với cả phụ nữ và nam giới theo phương pháp tiếp cận có sự tham gia (khảo sát đầu kỳ). Các dữ liệu thu thập được ở đầu kỳ dự án được xem là cơ sở để phân tích mối quan hệ giới và vị thế của phụ nữ trước khi có can thiệp của dự án. Các dữ liệu thu thập được trong các giai đoạn tiếp theo của chu trình dự án sẽ phản ánh sự biến đổi của các mối quan hệ giới (nếu có) và mức độ biến đổi. Khi đã có các dữ liệu, cần xác định xem liệu có phải các can thiệp của dự án là nguyên nhân dẫn tới sự thay đổi đó hay không.



Con đường ven sông Lấp Vò dễ bị ngập mỗi mùa nước lên tại Ấp Phú Nhuận, xã Tân Nhuận Đông, Huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.
Ảnh: UN WOMEN

3. SỬ DỤNG CHỈ SỐ GIỚI TRONG GIẢM NHẸ RỦI RO THIÊN TAI

3.1. Chỉ số là gì?

Chỉ số thường được hiểu là các con số đo lường định lượng (vd: có bao nhiêu phụ nữ và nam giới có sở hữu tài sản trong thôn)

Một số ví dụ về chỉ số:	
Đo lường:	Lượng mưa trong một ngày tại một điểm nào đó
Số lượng:	Số phụ nữ và nam giới thiệt mạng trong cơn lũ
Sự kiện:	Sự ra đời của một điều luật về bình đẳng xã hội cho phụ nữ và nam giới
Ý kiến/Nhận thức:	Nhận thức của phụ nữ về việc điều luật bình đẳng giới mới được thông qua có cải thiện gì tình huống/vị thế của họ không.

3.2. Vì sao lại cần có chỉ số?

Chỉ số được sử dụng để đo lường, giám sát và đánh giá tiến trình của một chương trình, kế hoạch, dự án trong quá trình hướng tới các kết quả mong đợi. Chỉ số hỗ trợ việc rà soát, xem xét lại tính hiệu quả của các phương pháp đã áp dụng. Ví dụ: khi xây dựng hệ thống cảnh báo sớm, cần thiết phải hiểu được mối quan hệ giữa phụ nữ và nam giới cũng như những vai trò giới của họ trong cộng đồng. Ta cần phải tìm hiểu liệu hệ thống này có cảnh báo hiệu quả tới mọi thành viên của cộng đồng, ở các lứa tuổi khác nhau hay không. Nếu không, chúng ta cần phải làm rõ lý do vì sao và thực hiện ngay các biện pháp để xử lý vấn đề đó. Chúng ta cũng cần biết rõ những nguồn lực sẵn có ở hộ gia đình và trong cộng đồng có thể hỗ trợ cho các hoạt động ứng phó tức thời ngay khi có cảnh báo về thiên tai.

Các chỉ số sẽ phản ánh bốn khía cạnh/biến số của bất kỳ một cộng đồng, xã hội, chương trình hay dự án nào đó. Các biến số này sẽ mô tả, đo lường và giám sát những nội dung sau:

- ▶ Đặc điểm chung của cộng đồng có thể tác động đến mọi lĩnh vực của xã hội cũng như tới hoạt động phân tích và các hành động ứng phó
- ▶ Các nguồn lực sẵn có (chính sách) và các cơ hội (các chương trình và tổ chức hiện đang hoạt động) giúp cho việc thúc đẩy và tăng cường bình đẳng giới
- ▶ Các hoạt động về giáo dục (vd: trường học) và thông tin (vd: truyền thông) tại cộng đồng có thể tạo ra các tác động tích cực hoặc tiêu cực tới bình đẳng giới

- ▶ Mức độ cộng đồng nhận thức được các mục tiêu trong các chính sách, quyết định và thực hành mang tính nhạy cảm giới

Ngoài ra, các chỉ số còn cho phép chúng ta:

- ▶ Đánh giá sự thay đổi theo thời gian trong một bối cảnh hoặc điều kiện nào đó
- ▶ Quan sát rõ hơn kết quả của các sáng kiến hoặc hoạt động
- ▶ Đánh giá và tiếp nối các kết quả đạt được của các can thiệp giảm nhẹ RRTT
- ▶ Cung cấp công cụ giúp đạt được các kết quả tốt hơn khi triển khai chương trình hay sáng kiến giảm nhẹ RRTT

3.3. Chỉ số nhạy cảm giới là gì?

Chỉ số nhạy cảm giới được xem là các dấu hiệu giúp xác định, tìm hiểu mức độ bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới và đánh giá xem thực trạng đó đang diễn ra ở phạm vi nào, toàn cầu, khu vực, tỉnh thành hay cộng đồng. Chỉ số nhạy cảm giới có vai trò quan trọng trong đo lường những tiến triển hay trở ngại trong việc hướng tới mục tiêu bình đẳng giới. Dưới đây là một số ví dụ về tính dễ bị tổn thương trên cơ sở giới tại Malawi cho thấy các dấu hiệu bất bình đẳng

1	Phụ nữ chiếm 70% lực lượng lao động trong nông nghiệp nhưng lại ít tham gia vào sản xuất các sản phẩm nông nghiệp có thể bán ra trên thị trường do bị hạn chế về thời gian và sức lao động
2	Giá trị tài sản thuộc sở hữu của chủ hộ là nam giới lớn hơn gấp đôi giá trị tài sản thuộc sở hữu của chủ hộ là nữ giới và số lượng nam giới sở hữu tài sản nông nghiệp nhiều hơn so với phụ nữ
3	Mức tiền công mà phụ nữ được trả cho các công việc thuê khoán ngắn hạn chỉ bằng 2/3 mức tiền công của nam giới
4	Phụ nữ gặp nhiều khó khăn hơn khi tiếp cận các nguồn tín dụng do không có tài sản sở hữu để thế chấp
5	Năm 2006, tỷ lệ biết chữ ở phụ nữ là 56% còn ở nam là 79%
6	Chỉ có 43% các ca sinh nở có sự tham gia, hỗ trợ của nhân viên y tế, dẫn tới tỷ lệ tử vong khi sinh cao
7	Do điều kiện kinh tế hạn chế, phụ nữ có xu hướng dễ tham gia vào hoạt động mại dâm hoặc các hoạt động rủi ro khác nhằm kiếm tiền trang trải các nhu cầu hàng ngày của gia đình
8	Trẻ em gái thường hay phải nghỉ học hơn để chăm sóc các em hoặc người ốm trong gia đình, và để giúp làm việc nhà, việc đồng áng khi gia đình gặp khó khăn về sinh kế
9	Nữ giới làm chủ hộ thường phụ thuộc vào các hỗ trợ bên ngoài nhiều hơn nam giới nhằm duy trì cuộc sống hàng ngày của gia đình (vd: quà tặng hoặc thức ăn được họ hàng cho hay các tổ chức phân phát)



Chị Trương Thị Lan (49 tuổi) thôn Văn Quật Đông, xã Hương Phong, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế ước mong có những ngôi nhà kiên cố cho người dân vùng đất trũng. Ảnh: UN WOMEN

Với các chỉ số, chúng ta có thể xem xét, đánh giá các nhân tố chính của tính dễ bị tổn thương trên cơ sở giới, bởi vì các chỉ số có thể giúp ích cho những vấn đề sau đây:

- ▶ Làm sáng tỏ những vấn đề hiện đang bị ẩn đi, giúp xác định liệu có tồn tại sự bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới hay không, có sự bất bình đẳng nào không, diễn ra ở đâu và vì sao lại có, thực trạng bất bình đẳng thay đổi như thế nào qua các giai đoạn, và đánh giá các điều kiện tác động khác nhau tới phụ nữ và nam giới
- ▶ So sánh các kết quả giữa nơi này với nơi kia (vd: giữa cộng đồng với cả nước, giữa quốc tế với khu vực)
- ▶ Tìm hiểu xem các vấn đề giới đã được cải thiện hay trở nên trầm trọng hơn, qua đó thấy được sự thay đổi trong quan hệ quyền lực giữa nam giới và phụ nữ
- ▶ Đo lường tác động của các chính sách, chương trình về bình đẳng giới ở cấp cộng đồng, khu vực, quốc gia và thế giới
- ▶ Lập kế hoạch, thực hiện, điều phối và đánh giá các chương trình, chính sách, từ đó xác định chính xác hơn phương thức hiệu quả nhất trong tiếp cận, sử dụng và kiểm soát các nguồn lực cũng như phân bổ chi phí và lợi ích

Hoàn cảnh có thể thường xuyên thay đổi với tốc độ nhanh nhưng các hành vi của con người và xã hội thì luôn thay đổi rất chậm. Vì thế đôi khi cần phải điều chỉnh các chỉ số cho phù hợp với từng giai đoạn.



Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

Địa chỉ: 39 Hàng Chuối, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: +84 4 39713437

Fax: +84 4 39713143

Website: <http://www.hoilhpn.org.vn/>



**Cơ quan Liên Hợp Quốc về Bình đẳng giới
và Trao quyền cho Phụ nữ (UN Women)**

Địa chỉ: 304 Kim Mã, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84 4 38500100

Fax: +84 4 3726 5520

Website: <http://vietnam.unwomen.org>



THE GOVERNMENT
OF THE GRAND DUCHY OF LUXEMBOURG
Ministry of Foreign and European Affairs

Directorate for Development Cooperation
and Humanitarian Affairs

**Cơ quan Hợp tác phát triển và
các Vấn đề nhân đạo Luxembourg**